

Số: 56 /2021/QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 31 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trang thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù và phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trang thiết bị y tế chuyên dùng khác thuộc lĩnh vực y tế đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý tỉnh Hà Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm chống lãng phí ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Căn cứ Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31 tháng 5 năm 2019 của Bộ Y tế hướng dẫn tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực Y tế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và sau khi có ý kiến thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trang thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù và phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trang thiết bị y tế chuyên dùng khác thuộc lĩnh vực y tế đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý tỉnh Hà Giang, cụ thể như sau:

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng trang thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù thuộc lĩnh vực Y tế tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Hà Giang, bao gồm:

a) Tiêu chuẩn, định mức sử dụng trang thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù đối với Bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến huyện và các trung tâm, cơ sở khám chữa bệnh tuyến tỉnh theo phụ lục số I kèm theo Quyết định này;

b) Tiêu chuẩn, định mức sử dụng trang thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù đối với Trung tâm y tế cấp huyện và trạm y tế cấp xã theo phụ lục số II kèm theo Quyết định này;

c) Danh mục và số lượng máy móc, thiết bị chuyên dùng được phê duyệt tại Quyết định này là mức tối đa để các đơn vị: lập kế hoạch và dự toán ngân sách; giao, đầu tư, mua sắm, thuê, khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị; quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị.

2. Phân cấp thẩm quyền cho Giám đốc Sở Y tế ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trang thiết bị y tế chuyên dùng khác ngoài những nội dung đã được quy định tại khoản 1 Điều này thuộc lĩnh vực y tế đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý tỉnh Hà Giang.

3. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư người đứng đầu đơn vị có trách nhiệm ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế tại đơn vị.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan:

1. Sở Y tế:

a) Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về chuyên ngành, đảm bảo danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng do các đơn vị đề xuất phù hợp với quy định tại Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế về: Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, quy mô hoạt động được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Quy hoạch phát triển của đơn vị; Điều kiện cơ sở vật chất để lắp đặt và nhân lực để khai thác, sử dụng máy móc, thiết bị; số lượng, tần suất sử dụng của từng chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng tại thời điểm lập định mức và dự kiến nhu cầu sử dụng của từng chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng trong 03 năm tiếp theo.

b) Chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ, báo cáo đề nghị phê duyệt cũng như chủng loại, số lượng và thuyết minh, giải trình; Quyết định phê duyệt tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng khác đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và đúng quy định pháp luật.

c) Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị triển khai thực hiện tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng được UBND tỉnh ban hành đảm bảo phù hợp nhu cầu và điều kiện của đơn vị, Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế và pháp luật khác có liên quan.

d) Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc tuân thủ tiêu chuẩn, định mức của các đơn vị trong toàn bộ quy trình đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê, sử dụng, xử lý máy móc, thiết bị chuyên dùng. Xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý khó khăn, vướng mắc (nếu có) trong quá trình thực hiện.

đ) Chỉ đạo các đơn vị liên quan sử dụng ngân sách nhà nước tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao; đảm bảo việc lập kế hoạch, dự toán ngân sách, mua sắm và quản lý trang thiết bị theo đúng quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và quy định của pháp luật liên quan.

2. Sở Tài chính:

Chịu trách nhiệm trong việc đánh giá sự phù hợp về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các đơn vị trực thuộc Sở Y tế đề xuất theo các quy định về quản lý, sử dụng tài sản cố định tại đơn vị sự nghiệp công lập.

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí dự toán ngân sách hàng năm để trang bị máy móc, thiết bị chuyên dùng đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của các đơn vị.

3. Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế:

a) Chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác của các thông tin trong hồ sơ, tài liệu xác định, báo cáo đề nghị phê duyệt cũng như chủng loại, số lượng và thuyết minh, giải trình khi đề xuất tiêu chuẩn, định mức đối với các danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng, đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao.

b) Tiếp tục rà soát tiêu chuẩn, định mức của các danh mục và số lượng máy móc thiết bị chuyên dùng đặc thù, chuyên dùng khác đảm bảo đúng quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 08/2019/TT-BYT và phù hợp với nhu cầu, sự phát triển của đơn vị. Kịp thời đề xuất, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh, bổ sung tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc, nhu cầu sử dụng, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định pháp luật.

c) Trong quá trình thực hiện việc mua sắm, trang bị máy móc, thiết bị chuyên dùng, Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm về việc đề xuất và sự cần thiết đảm bảo công khai, minh bạch, giám sát, kiểm tra, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng; Các đơn vị khi thực hiện việc mua sắm, quản lý sử dụng trang bị máy móc, thiết bị chuyên dùng phải đảm bảo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức phù hợp với quy định tại Quyết định này, Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế và pháp luật khác có liên quan.

4. Kho bạc nhà nước tỉnh căn cứ tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng kèm theo quyết định này thực hiện kiểm soát chi và thanh toán khi cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện mua sắm.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Y tế; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Y tế;
- TTr Tỉnh ủy - HĐND tỉnh;
- TTr UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Sở Tư pháp;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT, KTTH, VHXH. *ch*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Sơn



Phụ lục I

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG TRANG THIẾT BỊ Y TẾ CHUYÊN DÙNG ĐẶC THÙ CÁC ĐƠN VỊ KHỎI BỆNH VIỆN, TRUNG TÂM, CƠ SỞ TUYẾN TỈNH VÀ CÁC BỆNH VIỆN TUYẾN HUYỆN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 56/2021/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Hà Giang)

STT	Chủng loại	Đơn vị tính	Định mức tối đa	Ghi chú
A	ĐƠN VỊ TUYẾN TỈNH			
I	Bệnh viện đa khoa tỉnh			
1	Hệ thống X - quang			
1.1	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Cái	4	
1.2	Máy X quang di động	Máy	6	
1.3	Máy X quang C Arm	Máy	3	
2	Hệ thống CT - Scanner			
2.1	Hệ thống CT - Scanner < 64 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	1	
2.2	Hệ thống CT - Scanner 64 - 128 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	1	Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 200 ca chụp/tháng: không đầu tư bằng ngân sách nhà nước
2.3	Hệ thống CT - Scanner $\geq$ 256 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	1	
3	Hệ thống chụp cộng hưởng từ $\geq$ 1.5 Tesla	Hệ thống	1	
4	Hệ thống chụp mạch số hóa xóa nền (DSA)	Hệ thống	1	
5	Siêu âm			
5.1	Máy siêu âm chuyên tim mạch	Máy	3	
5.2	Máy siêu âm tổng quát	Máy	10	
6	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	3	
7	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Hệ thống	2	
8	Máy thận nhân tạo	Máy	33	
9	Máy thở	Máy	159	
10	Máy gây mê	Máy	15	
11	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	181	
12	Bơm tiêm điện	Bơm	721	
13	Máy truyền dịch	Máy	721	
14	Dao mổ			
14.1	Dao mổ điện cao tần	Cái	15	
14.2	Dao mổ siêu âm/Dao hàn mạch/Dao hàn mô	Cái	13	
15	Máy phá rung tim	Máy	17	
16	Máy tim phổi nhân tạo	Máy	2	
17	Hệ thống phẫu thuật nội soi	Hệ thống	6	
18	Đèn mổ treo trần	Bộ	13	
19	Đèn mổ di động	Bộ	13	
20	Bàn mổ	Cái	13	
21	Máy điện tim	Máy	13	
22	Máy điện não	Máy	3	
23	Hệ thống khám nội soi			
23.1	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	6	
23.2	Hệ thống nội soi khí quản, phế quản	Hệ thống	1	
23.3	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	6	
23.4	Hệ thống nội soi tiết niệu	Hệ thống	4	
24	Máy soi cổ tử cung	Máy	3	
25	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy	15	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính	Định mức tối đa	Ghi chú
26	Hệ thống máy xạ trị (chưa bao gồm bong ke)		1	
II	BỆNH VIỆN PHỤC HỒI CHỨC NĂNG			
1	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Cái	1	
2	Hệ thống CT - Scanner < 64 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	1	
3	Siêu âm			
3.1	Máy siêu âm chuyên tim mạch	Máy	1	
3.2	Máy siêu âm tổng quát	Máy	2	
4	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	Hệ thống có tổng công suất tối đa 1200 test/giờ	
5	Máy thở	Máy	4	
6	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	4	
7	Bơm tiêm điện	Bơm	20	
8	Máy truyền dịch	Máy	20	
9	Máy điện tim	Máy	2	
10	Máy điện não	Máy	1	
11	Hệ thống khám nội soi			
11.1	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	1	
11.2	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	1	
III	BỆNH VIỆN Y DƯỢC CỔ TRUYỀN			
1	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Cái	1	
2	Hệ thống CT - Scanner < 64 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	1	
3	Máy siêu âm tổng quát	Máy	3	
4	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	Hệ thống có tổng công suất tối đa 1200 test/giờ	
5	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Hệ thống	Hệ thống có tổng công suất tương đương 100 test/giờ	
6	Máy gây mê	Máy	1	
7	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	7	
8	Bơm tiêm điện	Bơm	7	
9	Máy truyền dịch	Máy	7	
10	Dao mổ điện cao tần	Cái	1	
11	Đèn mổ treo trần	Bộ	1	
12	Bàn mổ	Cái	1	
13	Máy điện tim	Máy	4	
14	Máy điện não	Máy	1	
15	Hệ thống khám nội soi			
15.1	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	1	
15.2	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	1	
16	Máy soi cổ tử cung	Máy	1	
IV	BỆNH VIỆN PHỔI			
1	Hệ thống X - quang			
1.1	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	1	
1.2	Máy X quang di động	Máy	2	
2	Máy siêu âm tổng quát	Máy	3	
3	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	Hệ thống có tổng công suất tối đa 1200 test/giờ	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính	Định mức tối đa	Ghi chú
4	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Hệ thống	Hệ thống có tổng công suất tương đương 100 test/giờ	
5	Máy thở	Máy	10	
6	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	11	
7	Bơm tiêm điện	Bơm	51	
8	Máy truyền dịch	Máy	51	
9	Máy phá rung tim	Máy	2	
10	Đèn mổ di động	Bộ	2	
11	Máy điện tim	Máy	2	
12	Hệ thống khám nội soi			
12.1	Hệ thống nội soi khí quản, phế quản	Hệ thống	1	
12.2	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	1	
13	Bàn Mổ	Cái	1	
V	BỆNH VIỆN MẮT			
1	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Cái	1	
2	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	Hệ thống có tổng công suất tối đa 1200 test/giờ	
3	Máy thở	Máy	2	
4	Máy gây mê	Máy	2	
5	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	2	
6	Bơm tiêm điện	Bơm	2	
7	Máy truyền dịch	Máy	2	
8	Đèn mổ treo trần	Bộ	2	
9	Đèn mổ di động	Bộ	3	
10	Bàn mổ	Cái	4	
11	Máy điện tim	Máy	2	
VI	TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT			
1	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	1	
2	Máy siêu âm tổng quát	Máy	1	
3	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	Hệ thống có tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/giờ	
4	Máy điện tim	Máy	1	
5	Máy điện não	Máy	1	
6	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	1	
7	Máy soi cổ tử cung	Máy	1	
VII	TRUNG TÂM PHÁP Y			
1	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	1	
2	Máy siêu âm tổng quát	Máy	1	
3	Bàn mổ	Cái	1	
4	Máy điện tim	Máy	1	
5	Máy điện não	Máy	1	
VIII	CƠ SỞ CHĂM SÓC VÀ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG NGƯỜI TÂM THẦN - CẢI NGHIỆM MA TÚY TỈNH HÀ GIANG			
1	Máy siêu âm tổng quát	Máy	1	
2	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	1	
3	Máy điện não	Máy	1	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính	Định mức tối đa	Ghi chú
B	ĐƠN VỊ TUYẾN HUYỆN			
I	BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN VỊ XUYỀN			
1	Hệ thống X - quang			
1.1	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Cái	3	
1.2	Máy X quang di động	Máy	2	
2	Hệ thống CT - Scanner < 64 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	1	
3	Siêu âm			
3.1	Máy siêu âm chuyên tim mạch	Máy	1	
3.2	Máy siêu âm tổng quát	Máy	3	
4	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	Hệ thống có tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/giờ	
5	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Hệ thống	Hệ thống có tổng công suất thiết bị tương đương 100 test/giờ	
6	Máy thở	Máy	5	
7	Máy gây mê	Máy	2	
8	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	22	
9	Bơm tiêm điện	Bơm	31	
10	Máy truyền dịch	Máy	31	
11	Dao mổ			
11.1	Dao mổ điện cao tần	Cái	2	
11.2	Dao mổ siêu âm/Dao hàn mạch/Dao hàn mô	Cái	2	
12	Máy phá rung tim	Máy	2	
13	Hệ thống phẫu thuật nội soi	Hệ thống	1	
14	Đèn mổ treo trần	Bộ	2	
15	Đèn mổ di động	Bộ	2	
16	Bàn mổ	Cái	2	
17	Máy điện tim	Máy	3	
18	Máy điện não	Máy	3	
19	Hệ thống khám nội soi			
19.1	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	1	
19.2	Hệ thống nội soi khí quản, phế quản	Hệ thống	1	
19.3	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	1	
19.4	Hệ thống nội soi tiết niệu	Hệ thống	1	
20	Máy soi cổ tử cung	Máy	1	
21	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy	2	
II	BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN XÍN MÀN			
1	Hệ thống X - quang			
1.1	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Cái	2	
1.2	Máy X quang di động	Máy	1	
2	Hệ thống CT - Scanner < 64 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	1	
3	Siêu âm			
3.1	Máy siêu âm chuyên tim mạch	Máy	1	
3.2	Máy siêu âm tổng quát	Máy	3	
4	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	Tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/giờ	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính	Định mức tối đa	Ghi chú
5	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Hệ thống	Tổng công suất thiết bị tương đương 300 test/giờ	
6	Máy thở	Máy	11	
7	Máy gây mê	Máy	3	
8	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	11	
9	Bơm tiêm điện	Bơm	40	
10	Máy truyền dịch	Máy	40	
11	Dao mổ			
11.1	Dao mổ điện cao tần	Cái	3	
11.2	Dao mổ siêu âm/Dao hàn mạch/Dao hàn mô	Cái	3	
12	Máy phá rung tim	Máy	3	
13	Hệ thống phẫu thuật nội soi	Hệ thống	1	
14	Đèn mổ treo trần	Bộ	3	
15	Đèn mổ di động	Bộ	3	
16	Bàn mổ	Cái	3	
17	Máy điện tim	Máy	3	
18	Máy điện não	Máy	1	
19	Hệ thống khám nội soi			
19.1	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	1	
19.2	Hệ thống nội soi khí quản, phế quản	Hệ thống	1	
19.3	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	2	
19.4	Hệ thống nội soi tiết niệu	Hệ thống	1	
20	Máy soi cổ tử cung	Máy	1	
21	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy	3	
III BỆNH VIỆN ĐA KHOA NÀ CHỈ HUYỆN XÍN MÀN				
1	Hệ thống X - quang			
1.1	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Cái	1	
1.2	Máy X quang di động	Máy	1	
2	Siêu âm			
2.1	Máy siêu âm chuyên tim mạch	Máy	1	
2.2	Máy siêu âm tổng quát	Máy	1	
3	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	Hệ thống có tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/giờ	
4	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Hệ thống	Hệ thống máy móc thiết bị có tổng công suất tương đương 100 test/giờ	
5	Máy thở	Máy	2	
6	Máy gây mê	Máy	2	
7	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	6	
8	Bơm tiêm điện	Bơm	14	
9	Máy truyền dịch	Máy	14	
10	Dao mổ			
10.1	Dao mổ điện cao tần	Cái	2	
10.2	Dao mổ siêu âm/Dao hàn mạch/Dao hàn mô	Cái	2	
11	Đèn mổ treo trần	Bộ	2	
12	Đèn mổ di động	Bộ	2	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính	Định mức tối đa	Ghi chú
13	Bàn mổ	Cái	2	
14	Máy điện tim	Máy	1	
15	Hệ thống khám nội soi			
15.1	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	1	
15.2	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	1	
16	Máy soi cổ tử cung	Máy	2	
17	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy	2	
IV BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN QUẢN BẠ				
1	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Cái	2	
2	Hệ thống CT - Scanner 64-128 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	1	Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 200 ca chụp/tháng: không đầu tư bằng ngân sách nhà nước
3	Máy siêu âm tổng quát	Máy	5	
4	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	Hệ thống có tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/giờ	
5	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Hệ thống	Hệ thống có tổng suất suất tương đương 300 test/giờ	
7	Máy thở	Máy	6	
9	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	11	
10	Bơm tiêm điện	Bơm	10	
11	Máy truyền dịch	Máy	10	
12	Dao mổ điện cao tần	Cái	2	
13	Đèn mổ treo trần	Bộ	2	
14	Đèn mổ di động	Bộ	3	
15	Bàn mổ	Cái	3	
16	Máy điện tim	Máy	3	
17	Máy điện não	Máy	1	
18	Hệ thống khám nội soi			
18.1	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	1	
18.2	Hệ thống nội soi khí quản, phế quản	Hệ thống	1	
18.3	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	1	
18.4	Hệ thống nội soi tiết niệu	Hệ thống	1	
21	Máy soi cổ tử cung	Máy	4	
22	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy	4	
V BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN ĐỒNG VĂN				
1	Hệ thống X - quang			
1.1	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Cái	1	
1.2	Máy X quang di động	Máy	1	
2	Hệ thống CT - Scanner < 64 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	1	
3	Siêu âm			
3.1	Máy siêu âm chuyên tim mạch	Máy	1	
3.2	Máy siêu âm tổng quát	Máy	5	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính	Định mức tối đa	Ghi chú
4	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	Hệ thống có tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/giờ	
5	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Hệ thống	Hệ thống có tổng công suất tương đương 100 test/giờ	
6	Máy thận nhân tạo	Máy	3	
7	Máy thở	Máy	17	
8	Máy gây mê	Máy	2	
9	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	18	
10	Bơm tiêm điện	Bơm	20	
11	Máy truyền dịch	Máy	20	
12	Dao mổ điện cao tần	Cái	2	
13	Hệ thống phẫu thuật nội soi	Hệ thống	1	
14	Đèn mổ treo trần	Bộ	2	
15	Đèn mổ di động	Bộ	4	
16	Bàn mổ	Cái	4	
17	Máy điện tim	Máy	2	
18	Máy điện não	Máy	1	
19	Hệ thống khám nội soi			
19.1	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	2	
19.2	Hệ thống nội soi khí quản, phế quản	Hệ thống	1	
19.3	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	1	
19.4	Hệ thống nội soi tiết niệu	Hệ thống	1	
20	Máy soi cổ tử cung	Máy	2	
21	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy	5	
VI BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC YÊN MINH				
1	Hệ thống X - quang			
1.1	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Cái	5	
1.2	Máy X quang di động	Máy	4	
1.3	Máy X quang C Arm	Máy	1	
2	Hệ thống CT - Scanner			
2.1	Hệ thống CT - Scanner < 64 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	1	
2.2	Hệ thống CT - Scanner 64 - 128 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	1	Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 200 ca chụp/tháng: không đầu tư bằng ngân sách nhà nước
3	Hệ thống chụp cộng hưởng từ ≥ 1.5 Tesla	Hệ thống	1	
4	Siêu âm			
4.1	Máy siêu âm chuyên tim mạch	Máy	1	
4.2	Máy siêu âm tổng quát	Máy	7	
5	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	Hệ thống có tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/giờ	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính	Định mức tối đa	Ghi chú
6	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Hệ thống	Hệ thống có tổng công suất tương đương 100 test/giờ	
7	Máy thận nhân tạo	Máy	8	
8	Máy thở	Máy	22	
9	Máy gây mê	Máy	4	
10	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	52	
11	Bơm tiêm điện	Bơm	112	
12	Máy truyền dịch	Máy	112	
13	Dao mổ			
13.1	Dao mổ điện cao tần	Cái	4	
13.2	Dao mổ siêu âm/Dao hàn mạch/Dao hàn mô	Cái	4	
14	Máy phá rung tim	Máy	4	
15	Hệ thống phẫu thuật nội soi	Hệ thống	2	
16	Đèn mổ treo trần	Bộ	4	
17	Đèn mổ di động	Bộ	8	
18	Bàn mổ	Cái	4	
19	Máy điện tim	Máy	3	
20	Máy điện não	Máy	2	
21	Hệ thống khám nội soi			
21.1	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	1	
21.2	Hệ thống nội soi khí quản, phế quản	Hệ thống	1	
21.3	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	4	
21.4	Hệ thống nội soi tiết niệu	Hệ thống	1	
22	Máy soi cổ tử cung	Máy	2	
23	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy	14	
VII BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN BẮC MÊ				
1	Hệ thống X - quang			
1.1	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Cái	2	
1.2	Máy X quang di động	Máy	1	
2	Hệ thống CT - Scanner < 64 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	1	
3	Siêu âm			
3.1	Máy siêu âm chuyên tim mạch	Máy	1	
3.2	Máy siêu âm tổng quát	Máy	6	
4	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	Hệ thống có tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/giờ	
5	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Hệ thống	Hệ thống có tổng công suất tương đương 100 test/giờ	
7	Máy thở	Máy	10	
8	Máy gây mê	Máy	2	
9	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	12	
10	Bơm tiêm điện	Bơm	35	
11	Máy truyền dịch	Máy	35	
12	Dao mổ cao tần	Cái	2	
13	Máy phá rung tim	Máy	2	
14	Hệ thống phẫu thuật nội soi	Hệ thống	1	
15	Đèn mổ treo trần	Bộ	2	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính	Định mức tối đa	Ghi chú
16	Đèn mổ di động	Bộ	2	
17	Bàn mổ	Cái	2	
18	Máy điện tim	Máy	1	
19	Máy điện não	Máy	1	
20	Hệ thống khám nội soi			
20.1	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	1	
20.2	Hệ thống nội soi khí quản, phế quản	Hệ thống		
20.3	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	1	
21	Máy soi cổ tử cung	Máy	1	
22	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy	1	
VIII BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN QUANG BÌNH				
1	Hệ thống X - quang			
1.1	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Cái	3	
1.2	Máy X quang di động	Máy	1	
2	Hệ thống CT - Scanner			
2.1	Hệ thống CT - Scanner < 64 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	1	
2.2	Hệ thống CT - Scanner 64 - 128 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	1	Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 200 ca chụp/tháng: không đầu tư bằng ngân sách nhà nước
2.3	Hệ thống CT - Scanner ≥ 256 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	1	
3	Hệ thống chụp cộng hưởng từ ≥ 1.5 Tesla	Hệ thống	1	
4	Siêu âm			
4.1	Máy siêu âm chuyên tim mạch	Máy	1	
4.2	Máy siêu âm tổng quát	Máy	5	
5	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	Hệ thống có tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/giờ	
6	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Hệ thống	Hệ thống có tổng công suất tương đương 300 test/giờ test/giờ	
7	Máy thở	Máy	23	
8	Máy gây mê	Máy	3	
9	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	36	
10	Bơm tiêm điện	Bơm	92	
11	Máy truyền dịch	Máy	92	
12	Dao mổ			
12.1	Dao mổ điện cao tần	Cái	3	
12.2	Dao mổ siêu âm/Dao hàn mạch/Dao hàn mô	Cái	2	
13	Máy phá rung tim	Máy	3	
14	Hệ thống phẫu thuật nội soi	Hệ thống	2	
15	Đèn mổ treo trần	Bộ	3	
16	Đèn mổ di động	Bộ	3	
17	Bàn mổ	Cái	4	
18	Máy điện tim	Máy	3	
19	Máy điện não	Máy	1	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính	Định mức tối đa	Ghi chú
20	Hệ thống khám nội soi			
20.1	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	1	
20.2	Hệ thống nội soi khí quản, phế quản	Hệ thống	1	
20.3	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	3	
20.4	Hệ thống nội soi tiết niệu	Hệ thống	1	
21	Máy soi cổ tử cung	Máy	3	
22	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy	5	
IX BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN MÈO VẠC				
1	Hệ thống X - quang			
1.1	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Cái	2	
1.2	Máy X quang di động	Máy	1	
2	Hệ thống CT Scanner < 64 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	1	
3	Siêu âm			
3.1	Máy siêu âm chuyên tim mạch	Máy	1	
3.2	Máy siêu âm tổng quát	Máy	4	
4	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	Hệ thống có tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/giờ	
5	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Hệ thống	Hệ thống có tổng công suất tương đương 100 test/giờ	
6	Máy thở	Máy	12	
7	Máy gây mê	Máy	2	
8	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	15	
9	Bơm tiêm điện	Bơm	60	
10	Máy truyền dịch	Máy	60	
11	Dao mổ			
11.1	Dao mổ điện cao tần	Cái	2	
11.2	Dao mổ siêu âm/Dao hàn mạch/Dao hàn mô	Cái	2	
12	Máy phá rung tim	Máy	3	
13	Hệ thống phẫu thuật nội soi	Hệ thống	1	
14	Đèn mổ treo trần	Bộ	2	
15	Đèn mổ di động	Bộ	2	
16	Bàn mổ	Cái	3	
17	Máy điện tim	Máy	1	
18	Máy điện não	Máy	1	
19	Hệ thống khám nội soi			
19.1	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	1	
19.2	Hệ thống nội soi khí quản, phế quản	Hệ thống	1	
19.3	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	1	
19.4	Hệ thống nội soi tiết niệu	Hệ thống	1	
20	Máy soi cổ tử cung	Máy	1	
21	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy	4	
X BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC BẮC QUANG				
1	Hệ thống X - quang			
1.1	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Cái	5	
1.2	Máy X quang di động	Máy	3	
1.3	Máy X quang C Arm	Máy	1	
2	Hệ thống CT - Scanner			
2.1	Hệ thống CT - Scanner < 64 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	4	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính	Định mức tối đa	Ghi chú
2.2	Hệ thống CT - Scanner 64 - 128 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	1	Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 200 ca chụp/tháng: không đầu tư bằng ngân sách nhà nước
2.3	Hệ thống CT - Scanner ≥ 256 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	1	
3	Hệ thống chụp cộng hưởng từ ≥ 1.5 Tesla	Hệ thống	1	
4	Siêu âm			
4.1	Máy siêu âm chuyên tim mạch	Máy	2	
4.2	Máy siêu âm tổng quát	Máy	5	
5	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	Hệ thống có tổng công suất thiết bị 2400 test/giờ	
6	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Hệ thống	Hệ hống máy móc, thiết bị có tổng công suất tương đương 300 test/giờ	
7	Máy thận nhân tạo	Máy	15	
8	Máy thở	Máy	29	
9	Máy gây mê	Máy	4	
10	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	75	
11	Bơm tiêm điện	Bơm	199	
12	Máy truyền dịch	Máy	199	
13	Dao mổ			
13.1	Dao mổ điện cao tần	Cái	4	
13.2	Dao mổ siêu âm/Dao hàn mạch/Dao hàn mô	Cái	4	
14	Máy phá rung tim	Máy	7	
15	Hệ thống phẫu thuật nội soi	Hệ thống	1	
16	Đèn mổ treo trần	Bộ	4	
17	Đèn mổ di động	Bộ	8	
18	Bàn mổ	Cái	4	
19	Máy điện tim	Máy	4	
20	Máy điện não	Máy	3	
21	Hệ thống khám nội soi			
21.1	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	4	
21.2	Hệ thống nội soi khí quản, phế quản	Hệ thống	1	
21.3	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	5	
21.4	Hệ thống nội soi tiết niệu	Hệ thống	1	
22	Máy soi cổ tử cung	Máy	4	
23	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy	14	
XI	BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC HOÀNG SU PHÌ			
1	Hệ thống X - quang			
1.1	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Cái	3	
1.2	Máy X quang di động	Máy	1	
2	Hệ thống CT - Scanner < 64 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	1	
3	Siêu âm			
3.1	Máy siêu âm chuyên tim mạch	Máy	1	
3.2	Máy siêu âm tổng quát	Máy	6	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính	Định mức tối đa	Ghi chú
4	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	Hệ thống tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/giờ	
5	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Hệ thống	Hệ thống có tổng công suất tương đương 100 test/giờ	
6	Máy thở	Máy	11	
7	Máy gây mê	Máy	3	
8	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	15	
9	Bơm tiêm điện	Bơm	15	
10	Máy truyền dịch	Máy	15	
11	Dao mổ			
11.1	Dao mổ điện cao tần	Cái	3	
11.2	Dao mổ siêu âm/Dao hàn mạch/Dao hàn mô	Cái	2	
12	Máy phá rung tim	Máy	2	
13	Hệ thống phẫu thuật nội soi	Hệ thống	1	
14	Đèn mổ treo trần	Bộ	3	
15	Đèn mổ di động	Bộ	2	
16	Bàn mổ	Cái	5	
17	Máy điện tim	Máy	4	
18	Máy điện não	Máy	3	
19	Hệ thống khám nội soi			
19.1	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	1	
19.2	Hệ thống nội soi khí quản, phế quản	Hệ thống	1	
19.3	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	2	
19.4	Hệ thống nội soi tiết niệu	Hệ thống	1	
20	Máy soi cổ tử cung	Máy	6	
21	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy	6	

Phụ lục II

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG TRANG THIẾT BỊ Y TẾ CHUYÊN DỤNG ĐẶC THÙ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRUNG TÂM Y TẾ, TRẠM Y TẾ XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ GIANG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 56/2021/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Hà Giang)

STT	Chủng loại	Đơn vị tính	Định mức tối đa	Ghi chú
I	TRUNG TÂM Y TẾ CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ			11 Trung tâm y tế huyện, thành phố
1	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	1 máy/1 đơn vị	
2	Máy siêu âm tổng quát	Máy	1 máy/1 đơn vị	
3	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	1 hệ thống/1 đơn vị	
4	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Máy	1 máy/1 đơn vị	
5	Máy điện tim	Máy	1 máy/1 đơn vị	
6	Máy huyết học	Máy	1 máy/1 đơn vị	
7	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	1 hệ thống/1 đơn vị	
8	Máy soi cổ tử cung	Máy	1 máy/1 đơn vị	
9	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy	1 máy/1 đơn vị	
II	TRẠM Y TẾ CÁC XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN			193 trạm y tế xã, phường, thị trấn
1	Máy siêu âm tổng quát	Máy	1 máy/1 đơn vị	
2	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	1 hệ thống/1 đơn vị	
3	Máy điện tim	Máy	1 máy/1 đơn vị	
4	Máy huyết học	Máy	1 máy/1 đơn vị	
5	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	1 hệ thống/1 đơn vị	
6	Máy soi cổ tử cung	Máy	1 máy/1 đơn vị	

* Thực hiện cho 11 huyện, thành phố và 193 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Hà Giang

Phụ lục III

BIỂU TỔNG HỢP CHI TIẾT GIẢI TRÌNH TIÊU CHUẨN ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG TRANG THIẾT BỊ Y TẾ CHUYÊN DÙNG ĐẶC THÙ
(Ban hành kèm theo Quyết định số **56** /2021/QĐ-UBND ngày **31** tháng **12** năm **2021** của UBND tỉnh Hà Giang)

STT	Chủng loại	Đơn vị tính	Định mức tối đa đơn vị đề nghị	Số lượng hiện có	Định mức tối đa STC đề nghị ban hành	Quy định định mức tối đa tại Thông tư số 08/2019/TT-BYT	Số liệu thực tế	Tài liệu chứng minh	Ghi chú
A	ĐƠN VỊ TUYỂN TỈNH								
I	Bệnh viện đa khoa tỉnh								
1	Hệ thống X - quang								
1.1	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Cái	4	1	4	Nhu cầu trung bình từ 300 - 2600 ca chụp/tháng/cơ sở; tối đa 02 máy/cơ sở. Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 1300 ca chụp/tháng/máy được bổ sung thêm máy tiếp theo.	Năm 2020 số lượng chụp 65.317 ca/năm, trung bình 5.443 ca/tháng.	Báo cáo tổng kết năm 2020	
1.2	Máy X quang di động	Máy	6	1	6	Tối đa 01 máy/ đơn vị hồi sức tích cực; cấp cứu; hồi sức sau phẫu thuật. Khoa Chẩn đoán hình ảnh: Tối đa 01 máy/ 200 giường nội trú.	Bệnh viện có các khoa; Hồi sức tích cực - Chống độc; Cấp cứu và Gây mê hồi sức. Bệnh viện có khoa Chẩn đoán hình ảnh và số giường điều trị nội trú thực kê là 778 giường.	Báo cáo tổng kết năm 2020	
1.3	Máy X quang C Arm	Máy	3	1	3	Tối đa 01 máy/04 phòng mổ. Cơ sở có triển khai kỹ thuật chụp mật tụy ngược dòng (ERCP) hoặc can thiệp được bổ sung tối đa 01 máy/đơn vị.	Bệnh viện hiện có 10 phòng mổ tại khoa GMHS. Cần thêm 01 Phòng mổ tại phòng Nội soi gây mê; 01 phòng mổ tại phòng can thiệp mạch và 01 phòng mổ khi thành lập Trung tâm Ung bướu năm 2021.	Báo cáo tổng kết năm 2020	
2	Hệ thống CT - Scanner								
2.1	Hệ thống CT - Scanner < 64 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	1	0	1	Nhu cầu 300 - 1300 ca chụp/ tháng/ cơ sở; tối đa 02 hệ thống/ cơ sở. Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 650 ca chụp/ tháng/ hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo.	Năm 2020 số lượng chụp 14.906 ca/năm, trung bình 1.242 ca/tháng. Năm 2020 Bệnh viện thực hiện liên doanh liên kết đặt 01 máy City < 64 lát cắt/vòng quay. Hiện nay hợp đồng hết hiệu lực đã thanh lý hợp đồng.	Báo cáo tổng kết năm 2020	
2.2	Hệ thống CT - Scanner 64 - 128 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	1	1	1	Nhu cầu sử dụng trung bình ≤ 400 ca chụp/ tháng/ cơ sở; tối đa 01 hệ thống/ cơ sở. Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 400 ca chụp/ tháng/ hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo.	Quý I/2021 số lượng chụp 262 ca/quý, trung bình 88 ca/tháng.	Báo cáo Quý I/2021	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính	Định mức tối đa đơn vị đề nghị	Số lượng hiện có	Định mức tối đa STC đề nghị ban hành	Quy định định mức tối đa tại Thông tư số 08/2019/TT-BYT	Số liệu thực tế	Tài liệu chứng minh	Ghi chú
2.3	Hệ thống CT - Scanner $\geq$ 256 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	1	0	1	Nhu cầu sử dụng trung bình $\leq$ 400 ca chụp/ tháng/ cơ sở; tối đa 01 hệ thống/ cơ sở. Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 400 ca chụp/ tháng/ hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo.	Nhu cầu cần thiết được trang bị 01 Hệ thống để thực hiện các kỹ thuật chuyên sâu can thiệp mạch, chuẩn đoán ung thư sớm... Đặc biệt có thể chụp với tất cả bệnh nhân mà không phụ thuộc vào tình trạng mạch của bệnh nhân. Bệnh viện hoàn toàn làm chủ kỹ thuật chụp do nhân lực của Bệnh viện đã được đào tạo. Dự kiến trong 3 năm nhu cầu trung bình 100 ca chụp/tháng.	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 3 năm tiếp theo.	
3	Hệ thống chụp cộng hưởng từ $\geq$ 1.5 Tesla	Hệ thống	1	1	1	Nhu cầu sử dụng trung bình $\leq$ 400 ca chụp/ tháng/ cơ sở; tối đa 01 hệ thống/ cơ sở. Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 400 ca chụp/ tháng/ hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo.	Quý I/2021 số lượng chụp 496 ca/quý, trung bình 166 ca/tháng.	Báo cáo Quý I/2021	
4	Hệ thống chụp mạch số hóa xóa nền (DSA)	Hệ thống	1	1	1	Nhu cầu sử dụng trung bình 40 - 300 ca chụp /tháng/cơ sở; tối đa 02 hệ thống/cơ sở. Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 300 ca chụp/ tháng/ hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo.	Bệnh viện đã được đầu tư 01 Hệ thống từ tháng 12 năm 2020. Quý I/2021 số lượng chụp 38 ca/quý, trung bình 13 ca/tháng. Dự kiến trong 3 năm tiếp theo sẽ tăng khoảng 300 ca chụp/tháng.	Báo cáo Quý I/2021	
5	Siêu âm								
5.1	Máy siêu âm chuyên tim mạch	Máy	3	2	3	Nhu cầu sử dụng trung bình $\leq$ 300 ca/ tháng/ cơ sở; tối đa 01 máy/ đơn vị. Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 300 ca/ tháng/ máy được bổ sung định mức máy tiếp theo. 01 máy/ Phòng chụp mạch số hóa xóa nền (DSA); Đơn vị hồi sức tim mạch.	Quý I/2021 thực hiện 1.536 ca/quý, trung bình 512 ca/tháng. Bệnh viện có 01 Phòng chụp mạch số hóa xóa nền (DSA) và Đơn vị hồi sức tim mạch.	Báo cáo Quý I/2021	
5.2	Máy siêu âm tổng quát	Máy	10	4	10	Nhu cầu sử dụng trung bình 600 - 1600 ca / tháng/ cơ sở; tối đa 02 hệ thống/đơn vị. Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 800 ca/ tháng/ máy được bổ sung định mức máy tiếp theo. Tối đa 01 máy/ đơn vị hồi sức; cấp cứu; hồi sức sau phẫu thuật, can thiệp và các đơn vị có sử dụng kỹ thuật siêu âm hỗ trợ.	Năm 2020 thực hiện 53.773 ca/năm, trung bình 4.481 ca/tháng. Bệnh viện có khoa Hồi sức tích cực - Chống độc; Cấp cứu; Gây mê Hồi sức, phòng can thiệp mạch và khoa Chẩn đoán hình ảnh có sử dụng kỹ thuật siêu âm hỗ trợ.	Báo cáo tổng kết năm 2020	
6	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	3	3	3	Nhu cầu dưới 1200 test/ ngày/ cơ sở; tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/ giờ. Nhu cầu trong khoảng 1200 - 2400 test/ ngày/ cơ sở; tổng công suất thiết bị bổ sung 1200 test/giờ. Nhu cầu tăng trong khoảng 1200 test/ ngày/ đơn vị; bổ sung tổng công suất thiết bị tối đa 800 test/giờ.	Năm 2020 thực hiện 879.486 test/năm, trung bình 3.444 test/ngày. Dự kiến trong 3 năm tới thực hiện 4.000 test/ngày. Bệnh viện có 01 máy công suất 1.200 test và 02 máy công suất 800 test.	Báo cáo tổng kết năm 2020	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính	Định mức tối đa đơn vị đề nghị	Số lượng hiện có	Định mức tối đa STC đề nghị ban hành	Quy định định mức tối đa tại Thông tư số 08/2019/TT-BYT	Số liệu thực tế	Tài liệu chứng minh	Ghi chú
7	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Hệ thống	2	2	2	Dưới 100 test/ ngày/ cơ sở: Máy móc, thiết bị có tổng công suất tương đương 100 test/ giờ. 100 - 300 test/ ngày/ cơ sở: Máy móc, thiết bị có tổng công suất tương đương 300 test/giờ. Nhu cầu tăng trong khoảng 200 test/ ngày/ đơn vị: bổ sung tổng công suất thiết bị tối đa 150 test/ giờ.	Năm 2020 thực hiện 33.231 test/năm, trung bình 93 test/ngày. Dự kiến trong 3 năm tới thực hiện 300 test/ngày. Bệnh viện có 01 máy công suất 180 test và 01 máy công suất 100 test.	Báo cáo tổng kết năm 2020	
8	Máy thận nhân tạo	Máy	33	18	33	Số lượng máy đáp ứng nhu cầu sử dụng tối thiểu 02 ca/ngày/máy.	Năm 2020 thực hiện 13.426 ca chạy chu kỳ/năm và Quý I/2021 thực hiện 259 ca chạy siêu lọc. Hiện tại Bệnh viện có 95 bệnh nhân chạy thận nhân tạo với 16 máy chu kỳ chạy 4 ca/ngày; 01 máy siêu lọc chạy 01 ca/ngày và 01 máy lọc máu liên tục. Dự kiến trong 3 năm tăng lên 132 bệnh nhân. Nhu cầu cần 29 máy chu kỳ; 02 máy siêu lọc và 02 máy lọc máu liên tục chạy cho bệnh nhân tuyến huyện.	Báo cáo tổng kết năm 2020	
9	Máy thở	Máy	159	23	159	Tối đa 01 máy/ giường hồi sức sau phẫu thuật; hồi sức tích cực; cấp cứu. Tiêu chuẩn dự phòng 01 máy/ 06 máy.	Bệnh viện có 102 giường cấp cứu, hồi sức tích cực, hồi sức sau mổ, cấp cứu nhi. Dự kiến năm 2021 khoa Truyền nhiễm có 25 giường hồi sức và thành lập Trung tâm Ung Bướu có 10 giường hồi sức.	Báo cáo tổng kết năm 2020	
10	Máy gây mê	Máy	15	10	15	01 máy/ bàn mổ. Tiêu chuẩn dự phòng 01 máy/ 06 máy.	Bệnh viện có 10 bàn mổ tại khoa Gây mê Hồi sức. Cần 02 bàn mổ tại Phòng Nội soi gây mê; Phòng can thiệp mạch và 01 bàn mổ khi thành lập Trung tâm Ung bướu năm 2021.	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 3 năm tiếp theo.	
11	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	181	48	181	01 máy/ bàn mổ. 01 máy/ giường Hồi tỉnh; Hồi sức; Cấp cứu. 01 máy/ giường chăm sóc bệnh nhân nặng.	Bệnh viện hiện có 10 bàn mổ tại khoa Gây mê Hồi sức. Bệnh viện cần trang bị 02 bàn mổ tại Phòng Nội soi gây mê; Phòng can thiệp mạch và 01 bàn mổ khi thành lập Trung tâm Ung bướu năm 2021. Bệnh viện có 102 giường cấp cứu, hồi sức tích cực, hồi sức sau mổ, cấp cứu nhi và 31 giường chăm sóc bệnh nhân nặng. Dự kiến năm 2021 khoa Truyền nhiễm có 25 giường hồi sức và thành lập Trung tâm Ung Bướu có 10 giường hồi sức.	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 3 năm tiếp theo.	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính	Định mức tối đa đơn vị đề nghị	Số lượng hiện có	Định mức tối đa STC đề nghị ban hành	Quy định định mức tối đa tại Thông tư số 08/2019/TT-BYT	Số liệu thực tế	Tài liệu chứng minh	Ghi chú
12	Bơm tiêm điện	Bơm	721	58	721	Tối thiểu 01 cái/ bàn mổ. Tối thiểu 01 cái/ giường Hồi tỉnh. Tối đa 05 cái/ giường Hồi sức; Cấp cứu. 01 cái/ giường chăm sóc bệnh nhân nặng. Tối đa 02 cái/ giường điều trị bệnh nhân ngoại trú chuyên khoa Nhi, Ung bướu.	Bệnh viện hiện có 10 bàn mổ tại khoa Gây mê Hồi sức. Bệnh viện cần trang bị 02 bàn mổ tại Phòng Nội soi gây mê; Phòng can thiệp mạch và 01 bàn mổ khi thành lập Trung tâm Ung bướu năm 2021. Bệnh viện có 2 giường hồi sức sau mổ; 100 giường cấp cứu, hồi sức tích cực, cấp cứu nhi và 31 giường chăm sóc bệnh nhân nặng. Dự kiến năm 2021 khoa Truyền nhiễm có 25 giường hồi sức và thành lập Trung tâm Ung Bướu có 10 giường hồi sức.	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 3 năm tiếp theo.	
13	Máy truyền dịch	Máy	721	20	721	Tối thiểu 01 cái/ bàn mổ. Tối thiểu 01 cái/ giường Hồi tỉnh. Tối đa 05 cái/ giường Hồi sức; Cấp cứu. 01 cái/ giường chăm sóc bệnh nhân nặng. Tối đa 02 cái/ giường điều trị bệnh nhân ngoại trú chuyên khoa Nhi, Ung bướu.	Bệnh viện hiện có 10 bàn mổ tại khoa Gây mê Hồi sức. Bệnh viện cần trang bị 02 bàn mổ tại Phòng Nội soi gây mê; Phòng can thiệp mạch và 01 bàn mổ khi thành lập Trung tâm Ung bướu năm 2021. Bệnh viện có 2 giường hồi sức sau mổ; 100 giường cấp cứu, hồi sức tích cực, cấp cứu nhi và 31 giường chăm sóc bệnh nhân nặng. Dự kiến năm 2021 khoa Truyền nhiễm có 25 giường hồi sức và thành lập Trung tâm Ung Bướu có 10 giường hồi sức.	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 3 năm tiếp theo.	
14	Dao mổ								
14.1	Dao mổ điện cao tần	Cái	15	10	15	Tối đa 01 cái/ bàn mổ. Dự phòng 01 cái/ 06 dao mổ điện.	Bệnh viện hiện có 10 bàn mổ tại khoa Gây mê Hồi sức. Bệnh viện cần trang bị 02 bàn mổ tại Phòng Nội soi gây mê; Phòng can thiệp mạch và 01 bàn mổ khi thành lập Trung tâm Ung bướu năm 2021.	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 3 năm tiếp theo.	
14.2	Dao mổ siêu âm/Dao hàn mạch/Dao hàn mô	Cái	13	1	13	Tối đa 01 cái/ phòng mổ.	Bệnh viện hiện có 10 phòng mổ tại khoa Gây mê Hồi sức. Bệnh viện cần trang bị 02 phòng mổ tại phòng Nội soi gây mê; Phòng can thiệp mạch và 01 phòng mổ khi thành lập Trung tâm Ung bướu năm 2021.	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 3 năm tiếp theo.	
15	Máy phá rung tim	Máy	17	0	17	Tối thiểu 01 máy/ Phòng mổ; Hồi sức; cấp cứu; Khoa tim mạch; Chống độc.	Bệnh viện hiện có 10 bàn mổ tại khoa Gây mê Hồi sức. Bệnh viện cần trang bị 02 bàn mổ tại Phòng Nội soi gây mê; Phòng can thiệp mạch và 01 bàn mổ khi thành lập Trung tâm Ung bướu năm 2021. Bệnh viện có các khoa Hồi sức tích cực - Chống độc, Cấp cứu, Gây mê Hồi sức và khoa Tim mạch.	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 3 năm tiếp theo.	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính	Định mức tối đa đơn vị đề nghị	Số lượng hiện có	Định mức tối đa STC đề nghị ban hành	Quy định định mức tối đa tại Thông tư số 08/2019/TT-BYT	Số liệu thực tế	Tài liệu chứng minh	Ghi chú
16	Máy tim phổi nhân tạo	Máy	2	0	2	01 máy/ Phòng mổ tim hở.	Dự kiến trong 3 năm tới Bệnh viện có 02 phòng mổ tim hở sẽ cần 01 máy trẻ em và 01 máy người lớn.	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 3 năm tiếp theo.	
17	Hệ thống phẫu thuật nội soi	Hệ thống	6	4	6	01 hệ thống/ Bàn mổ có mổ nội soi.	Bệnh viện triển khai 06 bàn mổ có mổ nội soi gồm: 01 bàn mổ Tai mũi họng; 02 bàn mổ Ngoại tổng hợp; 02 bàn mổ Chấn thương chỉnh hình và 01 bàn mổ Ngoại tiết niệu.		
18	Đèn mổ treo trần	Bộ	13	10	13	01 bộ/ Bàn mổ	Bệnh viện có 10 bàn mổ tại khoa Gây mê Hồi sức. Cần 02 bàn mổ tại Phòng Nội soi gây mê; Phòng can thiệp mạch và 01 bàn mổ khi thành lập Trung tâm Ung bướu năm 2021.	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 3 năm tiếp theo.	
19	Đèn mổ di động	Bộ	13	4	13	Tối đa 01 bộ/ Phòng tiểu phẫu; khoa hồi sức; khoa cấp cứu.	Bệnh viện có các khoa: Hồi sức tích cực - Chống độc, Cấp cứu. Bệnh viện có các phòng tiểu phẫu tại các khoa: Ngoại tổng hợp (01 phòng tiểu phẫu), Chấn thương chỉnh hình (01 phòng tiểu phẫu), Mắt (01 phòng tiểu phẫu), Tai Mũi Họng (01 phòng tiểu phẫu), Răng Hàm Mặt (01 phòng tiểu phẫu), Da Liễu (01 phòng tiểu phẫu), Sản (Phòng khám sản và phòng đẻ - 02 phòng tiểu phẫu), Ung Bướu (01 phòng tiểu phẫu). Năm 2021 thành lập Trung tâm Ung bướu (3 phòng tiểu phẫu).	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 3 năm tiếp theo.	
20	Bàn mổ	Cái	13	10	13	Tối thiểu 01 cái/ Phòng mổ.	Bệnh viện có 10 phòng mổ tại khoa Gây mê Hồi sức. Cần 02 bàn mổ tại Phòng Nội soi gây mê; Phòng can thiệp mạch và 01 bàn mổ khi thành lập Trung tâm Ung bướu năm 2021.	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 3 năm tiếp theo.	
21	Máy điện tim	Máy	13	7	13	01 máy/100 giường điều trị. máy/200 bệnh nhân khám ngoại trú.	01 Bệnh viện thực kê 778 giường bệnh. Khám ngoại trú trung bình 469 bệnh nhân/ngày. Dự kiến trong 3 năm tới, giường điều trị nội trú 900 giường, khám ngoại trú 800 bệnh nhân/ngày.	Báo cáo Quý I/2021	
22	Máy điện não	Máy	3	1	3	Các đơn vị có thực hiện kỹ thuật chuyên khoa về thăm dò chức năng/thần kinh/tâm thần: 01 - 03 máy.	Bệnh viện thực hiện kỹ thuật chuyên khoa về thăm dò chức năng/thần kinh/tâm thần tại các khoa Thăm dò chức năng.		
23	Hệ thống khám nội soi								

STT	Chủng loại	Đơn vị tính	Định mức tối đa đơn vị đề nghị	Số lượng hiện có	Định mức tối đa STC đề nghị ban hành	Quy định định mức tối đa tại Thông tư số 08/2019/TT-BYT	Số liệu thực tế	Tài liệu chứng minh	Ghi chú
23.1	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	6	3	6	Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/ tháng/ cơ sở; tối đa 01 hệ thống/cơ sở. Nhu cầu sử dụng trung bình 100 - 400 ca/ tháng/ cơ sở; tối đa 02 hệ thống/cơ sở. Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 200 ca/ tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo	' Quý I/2021 thực hiện 1.514 , trung bình 504 ca/tháng. Dự kiến trong 3 năm tới số ca thực hiện trên 1.200 ca/tháng.	Báo cáo Quý I/2021	
23.2	Hệ thống nội soi khí quản, phế quản	Hệ thống	1	1	1	Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/ tháng/ cơ sở; tối đa 01 hệ thống/cơ sở. Nhu cầu sử dụng trung bình 100 - 400 ca/ tháng/cơ sở; tối đa 02 hệ thống/cơ sở. Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 200 ca/tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo.	' Quý I/2021 thực hiện 17 , trung bình 6 ca/tháng.	Báo cáo Quý I/2021	
23.3	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	6	3	6	Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 200 ca/ tháng/cơ sở; tối đa 01 hệ thống/cơ sở. Nhu cầu sử dụng trung bình 200 - 1800 ca/ tháng/ cơ sở; tối đa 02 hệ thống/cơ sở. Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 900 ca/tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo. 01 hệ thống/ Bàn khám Tai Mũi Họng.	Năm 2020 thực hiện 14.020 ca/năm, trung bình 1.168 ca/tháng. Bệnh viện có 3 bàn khám Tai Mũi Họng tại khoa khám bệnh và khoa Tai Mũi Họng. Năm 2021 cần 1 bàn khám Tai Mũi Họng tại Phòng khám bệnh tự nguyện.	Báo cáo tổng kết năm 2020	
23.4	Hệ thống nội soi tiết niệu	Hệ thống	4	1	4	Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/ tháng/ cơ sở; tối đa 01 hệ thống/cơ sở. Nhu cầu sử dụng trung bình 100 - 600 ca/ tháng/ cơ sở; tối đa 02 hệ thống/cơ sở. Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 300 ca/ tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo. 01 hệ thống/ Máy tán sỏi laser.	' Năm 2020 thực hiện 336 ca/năm, trung bình 28 ca/tháng. Bệnh viện hiện có 01 Máy tán sỏi laser. Dự kiến 3 năm tới Bệnh viện trang bị thêm 02 Máy tán sỏi laser.	Báo cáo tổng kết năm 2020	
24	Máy soi cổ tử cung	Máy	3	1	3	01 máy/ Bàn khám phụ khoa.	Bệnh viện hiện có 03 bàn khám phụ khoa tại khoa Sản và phòng khám sản.		
25	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy	15	6	15	01 máy/ Bàn đẻ. 01 máy/ Giường theo dõi sản khoa.	Bệnh viện có 06 bàn đẻ và 09 giường theo dõi sản khoa.		
26	Hệ thống máy xạ trị (chưa bao gồm bong ke)		1	0	1	Phù hợp quy hoạch chi tiết phát triển, ứng dụng bức xạ trong y tế đến năm 2020 theo Quy định tại Quyết định số 1958/QĐ-TTg ngày 04/1/2011 của Thủ tướng Chính phủ.	Năm 2021 Bệnh viện thành lập Trung tâm Ung Bướu. Nhu cầu đầu tư Hệ thống máy xạ trị là cần thiết để điều trị cho bệnh nhân ung thư.	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 3 năm tiếp theo.	
II BỆNH VIỆN PHỤC HỒI CHỨC NĂNG									
1	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Cái	1	1	1	Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/tháng/cơ sở; tối đa 01 máy/cơ sở	Năm 2020 đơn vị thực hiện 2848 ca/năm, trung bình 238 ca/tháng.	Báo cáo tổng kết năm 2020	
2	Hệ thống CT - Scanner < 64 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	1	0	1	Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/tháng/cơ sở; tối đa 01 máy/cơ sở	Dự kiến trong 3 năm tiếp theo đơn vị thực hiện dịch vụ kỹ thuật mới, dự kiến trung bình 50 ca/tháng	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 3 năm tiếp theo.	
3	Siêu âm								

STT	Chủng loại	Đơn vị tính	Định mức tối đa đơn vị đề nghị	Số lượng hiện có	Định mức tối đa STC đề nghị ban hành	Quy định định mức tối đa tại Thông tư số 08/2019/TT-BYT	Số liệu thực tế	Tài liệu chứng minh	Ghi chú
3.1	Máy siêu âm chuyên tim mạch	Máy	1	0	1	Nhu cầu sử dụng trung bình ≤ 300 ca/tháng/ cơ sở: tối đa 01 máy/đơn vị	Dự kiến trong 3 năm tiếp theo đơn vị thực hiện dịch vụ kỹ thuật mới, dự kiến trung bình 50 ca/tháng	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 3 năm tiếp theo.	
3.2	Máy siêu âm tổng quát	Máy	2	1	2	Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 600 ca/tháng/cơ sở: tối đa 01 máy / đơn vị; tối đa 01 máy/đơn vị hồi sức, cấp cứu	Năm 2020 đơn vị thực hiện 2150 ca/năm trung bình 180 ca/tháng, đơn vị có khoa hồi sức cấp cứu	Báo cáo thực hiện chỉ tiêu chuyên môn tại các khoa lâm sàng và cận lâm sàng 12 tháng năm 2020	
4	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	2	2	Hệ thống có tổng công suất tối đa 1200 test/giờ	Nhu cầu dưới 1200 test/ngày/cơ sở: tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/giờ	Năm 2020 đơn vị thực hiện 35710 test/năm, trung bình 150 test/ngày. hiện nay đơn vị có 02 hệ thống xét nghiệm sinh hóa bán tự động có tổng công suất 70 test/giờ	Báo cáo thực hiện chỉ tiêu chuyên môn tại các khoa lâm sàng và cận lâm sàng 12 tháng năm 2020	
5	Máy thở	Máy	4	0	4	Tối đa 01 máy/giường hồi sức sau phẫu thuật; hồi sức tích cực; cấp cứu	Hiện nay đơn vị có 04 giường cấp cứu tại khoa hồi sức cấp cứu	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 3 năm tiếp theo.	
6	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	4	1	4	01 máy/giường hồi tỉnh; hồi sức ; cấp cứu	Hiện nay đơn vị có 04 giường cấp cứu tại khoa hồi sức cấp cứu	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 3 năm tiếp theo.	
7	Bơm tiêm điện	Bơm	20	0	20	Tối đa 05 cái/giường hồi sức; cấp cứu	Hiện nay đơn vị có 04 giường cấp cứu	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 3 năm tiếp theo.	
8	Máy truyền dịch	Máy	20	0	20	Tương đương số lượng bơm tiêm điện			
9	Máy điện tim	Máy	3	1	2	01 máy/100 giường điều trị 01 máy/200 bệnh nhân khám ngoại trú	Năm 2020 thực hiện khám ngoại trú cho bệnh nhân 5172 lượt, trung bình 431 lượt/tháng	Báo cáo tổng kết năm 2020	
10	Máy điện não	Máy	1	0	1	Các đơn vị có thực hiện kỹ thuật chuyên khoa về thăm dò chức năng/thần kinh/tâm thần: 01 - 03 máy.	Đơn vị có nhu cầu triển khai kỹ thuật mới trong 3 năm tiếp theo	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 3 năm tiếp theo.	
11	Hệ thống khám nội soi								
11.1	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	1	0	1	Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100ca/tháng/ cơ sở: tối đa 01 hệ thống/cơ sở	Đơn vị có nhu cầu triển khai kỹ thuật mới trong 3 năm tiếp theo	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 3 năm tiếp theo.	
11.2	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	1	1	1	Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 200ca/tháng/ cơ sở: tối đa 01 hệ thống/cơ sở	Năm 2020 thực hiện 1620 ca/năm, trung bình 135 ca/tháng	Báo cáo thực hiện chỉ tiêu chuyên môn tại các khoa lâm sàng và cận lâm sàng 12 tháng năm 2020	
III	BỆNH VIỆN Y DƯỢC CỔ TRUYỀN								
1	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Cái	1	0	1	Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/tháng/cơ sở: tối đa 01 máy/cơ sở	Hiện nay đơn vị có 01 máy X Quang tăng sáng truyền hình, dự kiến trong 3 năm tới sẽ nâng cấp kỹ thuật điều trị về các bệnh tai biến như cơ xương khớp, Năm 2020 đơn vị thực hiện 3.937 ca/năm	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 3 năm tiếp theo.	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính	Định mức tối đa đơn vị đề nghị	Số lượng hiện có	Định mức tối đa STC đề nghị ban hành	Quy định định mức tối đa tại Thông tư số 08/2019/TT-BYT	Số liệu thực tế	Tài liệu chứng minh	Ghi chú
2	Hệ thống CT - Scanner < 64 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	1	0	1	Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/tháng/cơ sở: tối đa 01 máy/cơ sở	Bệnh viện hạng II có mô hình phát triển theo hướng đa khoa y học cổ truyền, về cơ sở hạ tầng có phòng X quang riêng bảo theo quy định được kiểm định cấp phép hoạt động hàng năm.	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 3 năm tiếp theo.	
3	Máy siêu âm tổng quát	Máy	3	2	3	Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 600 ca/tháng/cơ sở: tối đa 01 máy / đơn vị Tối đa 01 máy/đơn vị hồi sức; cấp cứu; hồi sức sau phẫu thuật, can thiệp và các đơn vị có sử dụng kỹ thuật siêu âm hỗ trợ	Năm 2020 lưu lượng sử dụng 698 ca/năm; đơn vị có khoa hồi sức tích cực, khoa chuẩn đoán hình ảnh thăm dò chức năng	Báo cáo tổng kết năm 2020	
4	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	1	1	Hệ thống có tổng công suất tối đa 1200 test/giờ	Nhu cầu dưới 1200 test/ngày/cơ sở: tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/giờ	Năm 2020 thực hiện 29.382 testm trung bình 82 test/ngày	Báo cáo tổng kết năm 2020	
5	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại.	Hệ thống	1	0	Hệ thống có tổng công suất tương đương 100 test/giờ	Dưới 100 test/ngày/cơ sở: máy móc thiết bị có tổng công suất tương đương 100 test/giờ	Dự kiến trong 3 năm tiếp theo đơn vị sẽ có nhân lực về bác sĩ có chứng chỉ xét nghiệm và kỹ thuật viên xét nghiệm và tại viện hiện nay có khoa xét nghiệm riêng đảm bảo theo quy định lưu lượng khoảng 1000 test/tháng	Báo cáo tổng kết năm 2020 Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 3 năm tiếp theo.	
6	Máy gây mê	Máy	1	1	1	1 máy/bàn mổ	đơn vị hiện nay có 01 bàn mổ tại khoa ngoại phụ	Báo cáo tổng kết năm 2020 Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 3 năm tiếp theo.	
7	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	7	3	7	01 máy/bàn mổ 01 máy/giường hồi tỉnh; hồi sức; cấp cứu 01 máy/giường chăm sóc bệnh nhân nặng	Đơn vị hiện nay có 01 bàn mổ tại khoa ngoại phụ; 01 giường hồi tỉnh tại khoa ngoại phụ; 05 giường tại khoa hồi sức tích cực	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 3 năm tiếp theo.	
8	Bơm tiêm điện	Bơm	7	2	7	Tối thiểu 01 cái/bàn mổ tối thiểu 01 cái/giường hồi tỉnh Tối đa 05 cái/giường hồi sức; cấp cứu	Đơn vị hiện nay có 01 bàn mổ tại khoa ngoại phụ; 01 giường hồi tỉnh tại khoa ngoại phụ; 05 giường tại khoa hồi sức tích cực	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 3 năm tiếp theo.	
9	Máy truyền dịch	Máy	7	2	7	Tương đương số lượng bơm tiêm điện			
10	Dao mổ điện cao tần	Cái	1	1	1	Tối đa 01 cái/bàn mổ	đơn vị hiện nay có 01 bàn mổ tại khoa ngoại phụ	Báo cáo tổng kết năm 2020 Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 3 năm tiếp theo.	
11	Đèn mổ treo trần	Bộ	1	1	1	01 bộ/bàn mổ	đơn vị hiện nay có 01 bàn mổ tại khoa ngoại phụ	Báo cáo tổng kết năm 2020 Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 3 năm tiếp theo.	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính	Định mức tối đa đơn vị đề nghị	Số lượng hiện có	Định mức tối đa STC đề nghị ban hành	Quy định định mức tối đa tại Thông tư số 08/2019/TT-BYT	Số liệu thực tế	Tài liệu chứng minh	Ghi chú
12	Bàn mổ	Cái	1	1	1	Tối thiểu 01 cái/phòng mổ	đơn vị hiện nay có 01 bàn mổ tại khoa ngoại phụ	Báo cáo tổng kết năm 2020 Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 3 năm tiếp theo.	
13	Máy điện tim	Máy	7	2	4	01 máy/100 giường điều trị 01 máy/200 bệnh nhân khám ngoại trú	Đơn vị có 120 giường điều trị nội trú, năm 2020 thực hiện khám cho bệnh nhân ngoại trú 700 lượt	Báo cáo tổng kết năm 2020 Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 3 năm tiếp theo.	
14	Máy điện não	Máy	1	1	1	Các đơn vị có thực hiện kỹ thuật chuyên khoa về thăm dò chức năng/thần kinh/tâm thần: 01 - 03 máy.	Bệnh viện có triển khai các kỹ thuật chuyên khoa, thăm dò chức năng để xử lý bệnh nhân tai biến mạch máu não liệt mặt	Báo cáo tổng kết năm 2020 Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 3 năm tiếp theo.	
15	Hệ thống khám nội soi								
15.1	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	1	0	1	Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/tháng/cơ sở	Đơn vị là bệnh viện hạng 2 mô hình phát triển theo hướng đa khoa y học cổ truyền hiện đại, để nâng cao chất lượng điều trị về các bệnh tiêu hóa nên dự kiến sẽ triển khai kỹ thuật trong 3 năm tiếp theo	Báo cáo tổng kết năm 2020 Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 3 năm tiếp theo.	
15.2	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	1	1	1	Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 200 ca/tháng/ cơ sở: tối đa 01 hệ thống/cơ sở	Năm 2020 thực hiện kỹ thuật nội soi 100 ca/tháng	Báo cáo tổng kết năm 2020 Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 3 năm tiếp theo.	
16	Máy soi cổ tử cung	Máy	1	1	1	01 máy/bàn khám phụ khoa	đơn vị có khoa ngoại phụ có 01 bàn khám phụ khoa	Báo cáo tổng kết năm 2020 Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 3 năm tiếp theo.	
17	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy	1	0	0	01 máy/bàn đẻ 01 máy/giường theo dõi sản khoa			không có hồ sơ để tổng hợp
IV	BỆNH VIỆN PHỔI								
1	Hệ thống X - quang								
1.1	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	1	1	1	Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/tháng/cơ sở: tối đa 01 máy/cơ sở	Năm 2020 đơn vị thực hiện 2.818 ca chụp, trung bình 235 ca/tháng	Báo cáo tổng kết năm 2020, Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 03 năm tiếp theo	
1.2	Máy X quang di động	Máy	2	2	2	Tối đa 01 máy/đơn vị hồi sức tích cực; cấp cứu; hồi sức sau phẫu thuật	Hiện nay đơn vị có các khoa: Cấp cứu; Hồi sức tích cực - Chống độc	Báo cáo tổng kết năm 2020, Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 03 năm tiếp theo	
2	Máy siêu âm tổng quát	Máy	2	3	3	- Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 600 ca/tháng/cơ sở: tối đa 01 máy/đơn vị - Tối đa 01 máy/đơn vị hồi sức; cấp cứu; hồi sức phẫu thuật, can thiệp và các đơn vị có sử dụng kỹ thuật siêu âm hỗ trợ	Năm 2020 đơn vị thực hiện 2.761 ca/năm trung bình 230 ca/ tháng. Bệnh viện có các khoa: Cấp cứu; Hồi sức tích cực - Chống độc.	Báo cáo tổng kết năm 2020, Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 03 năm tiếp theo	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính	Định mức tối đa đơn vị đề nghị	Số lượng hiện có	Định mức tối đa STC đề nghị ban hành	Quy định định mức tối đa tại Thông tư số 08/2019/TT-BYT	Số liệu thực tế	Tài liệu chứng minh	Ghi chú
3	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	1	2	Hệ thống có tổng công suất tối đa 1200 test/giờ	Nhu cầu dưới 1200 test/ngày/cơ sở; tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/giờ	Năm 2020 đơn vị thực hiện 24.768 test, trung bình 69 test/ngày	Báo cáo tổng kết năm 2020; Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 03 năm tiếp theo	
4	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Hệ thống	1	0	Hệ thống có tổng công suất tương đương 100 test/giờ	Dưới 100 test ngày/cơ sở; máy móc thiết bị có tổng công suất tương đương 100 test/giờ	Dự kiến trong 03 năm tới Đơn vị có phương hướng thực hiện triển khai xét nghiệm miễn dịch để phát hiện ung thư sớm (dự kiến thực hiện 50 test/ngày)	Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 03 năm tiếp theo	
5	Máy thở	Máy	10	3	10	Tối đa 01 máy/giường hồi sức sau phẫu thuật; hồi sức tích cực; cấp cứu, Tiêu chuẩn dự phòng 01 máy/06 máy	Đơn vị có 10 giường cấp cứu - hồi sức tích cực - chống độc	Báo cáo tổng kết năm 2020; Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 03 năm tiếp theo	
6	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	11	7	11	01 máy/ bàn mổ 01 máy/giường hồi tỉnh, hồi sức, cấp cứu 01 máy/giường chăm sóc bệnh nhân nặng	Đơn vị có 10 giường cấp cứu - hồi sức tích cực - chống độc; 01 bàn mổ tại phòng mổ nội soi lồng ngực	Báo cáo tổng kết năm 2020; Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 03 năm tiếp theo	
7	Bơm tiêm điện	Bơm	51	9	51	Tối thiểu 01 cái/bàn mổ tối thiểu 01 cái/giường hồi tỉnh Tối đa 05 cái/giường hồi sức; cấp cứu	Đơn vị có 10 giường cấp cứu - hồi sức tích cực - chống độc; 01 bàn mổ tại phòng mổ nội soi lồng ngực	Báo cáo tổng kết năm 2020; Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 03 năm tiếp theo	
8	Máy truyền dịch	Máy	51	9	51	Tương đương số lượng bơm tiêm điện	Định mức 51 bơm tiêm điện		
9	Máy phá rung tim	Máy	2	1	2	Tối thiểu 01 máy/phòng mổ; Hồi sức; cấp cứu; khoa tim mạch; chống độc	Đơn vị có khoa cấp cứu - hồi sức tích cực - chống độc; 01 phòng mổ nội soi lồng ngực	Báo cáo tổng kết năm 2020; Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 03 năm tiếp theo	
10	Đèn mổ di động	Bộ	2	0	2	Tối đa 01 bộ/ Phòng tiểu phẫu; khoa hồi sức; khoa cấp cứu.	Đơn vị có khoa cấp cứu - hồi sức tích cực - chống độc; 03 phòng tiểu phẫu tại các khoa: Lao ngoài phổi, khoa bệnh phổi, phòng nội soi lồng ngực	Báo cáo tổng kết năm 2020; Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 03 năm tiếp theo	
11	Máy điện tim	Máy	2	3	2	01 máy/100 giường điều trị 01 máy/200 bệnh nhân khám ngoại trú	Số giường thực kê tại đơn vị hiện nay là 120 giường điều trị; trung bình 20 bệnh nhân khám ngoại trú/ngày (240 bệnh nhân khám ngoại trú/năm)	Báo cáo tổng kết năm 2020; Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 03 năm tiếp theo	
12	Hệ thống khám nội soi								
12.1	Hệ thống nội soi khí quản, phế quản	Hệ thống	1	1	1	Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/ tháng/ cơ sở; tối đa 01 hệ thống/ cơ sở	Quý I/2021 đơn vị thực hiện 29 ca, trung bình 9 ca/tháng	Báo cáo quý I/2021;	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính	Định mức tối đa đơn vị đề nghị	Số lượng hiện có	Định mức tối đa STC đề nghị ban hành	Quy định định mức tối đa tại Thông tư số 08/2019/TT-BYT	Số liệu thực tế	Tài liệu chứng minh	Ghi chú
12.2	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	1	1	1	Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 200 ca/tháng/ cơ sở; tối đa 01 hệ thống/cơ sở	Năm 2020 đơn vị thực hiện 163 ca, trung bình 14 ca/tháng	Báo cáo tổng kết năm 2020; Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 03 năm tiếp theo	
13	Bàn mổ	Cái	1	1	1	Tối thiểu 01 cái/ Phòng mổ.	01 bàn mổ tại phòng mổ nội soi lồng ngực	Báo cáo tổng kết năm 2020; Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 03 năm tiếp theo,	
V	BỆNH VIỆN MẮT								
1	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Cái	1	0	1	Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/tháng/cơ sở; tối đa 01 máy/cơ sở	Trên cơ sở đề án phát triển tổng thể của đơn vị, xây dựng thành lập khoa xét nghiệm - chẩn đoán hình ảnh. Do vậy cần trang bị 01 máy để phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh của đơn vị	Đề án phát triển tổng thể giai đoạn 2020-2025	
2	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	2	1	Hệ thống có tổng công suất tối đa 1200 test/giờ	Nhu cầu dưới 1200 test/ ngày/ cơ sở; tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/ giờ.	Năm 2020, đơn vị thực hiện 16004 lượt test xét nghiệm cho bệnh nhân, để nâng cao khả năng đáp ứng nhiệm vụ của đơn vị đề xuất sử dụng 2 hệ thống có tổng công suất tối đa của 2 hệ thống là: 1200 test/giờ	Báo cáo tổng kết năm 2020	
3	Máy thở	Máy	2	0	2	Tối đa 01 máy/ giường hồi sức sau phẫu thuật; hồi sức tích cực; cấp cứu. Tiêu chuẩn dự phòng 01 máy/ 06 máy.	Đơn vị có giường thực hiện cấp cứu và hồi sức sau phẫu thuật về mắt	Báo cáo tổng kết năm 2020	
4	Máy gây mê	Máy	2	1	2	01 máy/bàn mổ	Hiện nay đơn vị có 02 bàn mổ	Báo cáo tổng kết năm 2020	
5	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	2	1	2	01 máy/bàn mổ	Hiện nay đơn vị có 02 bàn mổ	Báo cáo tổng kết năm 2020	
6	Bơm tiêm điện	Bơm	2	0	2	Tối thiểu 01 cái/bàn mổ	Hiện nay đơn vị có 02 bàn mổ	Báo cáo tổng kết năm 2020	
7	Máy truyền dịch	Máy	2	0	2	Tương đương số lượng bơm tiêm điện			
8	Đèn mổ treo trần	Bộ	2	0	2	01 bộ/bàn mổ	Hiện nay đơn vị có 02 bàn mổ	Báo cáo tổng kết năm 2020	
9	Đèn mổ di động	Bộ	3	0	3	Tối đa 01 bộ/ Phòng tiểu phẫu; khoa hồi sức; khoa cấp cứu.	Hiện nay đơn vị có 03 phòng tiểu phẫu	Báo cáo tổng kết năm 2020	
10	Bàn mổ	Cái	4	2	4	Tối thiểu 01 cái/phòng mổ	Hiện nay đơn vị có 02 phòng mổ, định hướng trong 03 năm tới xây dựng đề án phát triển bệnh viện sẽ bổ sung thêm 02 phòng mổ.	Báo cáo tổng kết năm 2020	
11	Máy điện tim	Máy	2	1	2	01 máy/100 giường điều trị 01 máy/200 bệnh nhân khám ngoại trú	Năm 2020 đơn vị thực hiện khám ngoại trú cho bệnh nhân 2590 lượt	Báo cáo tổng kết năm 2020	
VI	TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT								
1	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	1	0	1	Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/tháng/cơ sở; tối đa 01 máy/cơ sở	Đơn vị được phê duyệt danh mục kỹ thuật chụp X-Quang chẩn đoán thường quy hoặc kỹ thuật số (CR hoặc DR): chụp X-quang ngực thẳng. Dự kiến trong 03 năm tới thực hiện kỹ thuật này và nhu cầu dưới 300 ca/tháng	Quyết định số 433/QĐ-SYT ngày 06/6/2018 của Sở Y tế	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính	Định mức tối đa đơn vị đề nghị	Số lượng hiện có	Định mức tối đa STC đề nghị ban hành	Quy định định mức tối đa tại Thông tư số 08/2019/TT-BYT	Số liệu thực tế	Tài liệu chứng minh	Ghi chú
2	Máy siêu âm tổng quát	Máy	1	1	1	Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 600 ca/tháng/cơ sở: tối đa 01 máy / đơn vị	6 tháng đầu năm 2021 thực hiện 205 ca	Báo cáo kết quả thực hiện chỉ tiêu	
3	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	3	3	Hệ thống có tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/giờ	Nhu cầu dưới 1200 test/ngày/cơ sở: tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/giờ	Năm 2020 tổng số mẫu thực hiện 58626 test, trung bình 163 test/ngày. Đơn vị hiện nay có 03 máy công suất 800 test/ngày/máy	Báo cáo kết quả hoạt động xét nghiệm năm 2020	
4	Máy điện tim	Máy	1	1	1	01 máy/100 giường điều trị 01 máy/200 bệnh nhân khám ngoại trú	Dự kiến trong giai đoạn 3 năm tiếp theo đơn vị sẽ phát triển các phòng khám bệnh nhân đạt chỉ tiêu		
5	Máy điện não	Máy	1	1	1	Các đơn vị có thực hiện kỹ thuật chuyên khoa về thăm dò chức năng/thần kinh/tâm thần: 01 - 03 máy.	đơn vị có thực hiện kỹ thuật chuyên khoa về thăm dò chức năng, thần kinh, tâm thần		
6	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	1	0	1	Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 200 ca/tháng/cơ sở: tối đa 01 hệ thống/cơ sở	Đơn vị có phòng khám chuyên khoa để phát triển tổng thể kỹ thuật nội soi tai mũi họng		
7	Máy soi cổ tử cung	Máy	1	1	1	01 máy/bàn khám phụ khoa	đơn vị có 1 bàn khám phụ khoa		
VII TRUNG TÂM PHÁP Y									
1	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	1	0	1	Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/tháng/cơ sở: tối đa 01 máy/cơ sở	Căn cứ quy định điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện giám định cho tổ chức giám định tư pháp công lập trong lĩnh vực pháp y, pháp y tâm thần và nhu cầu của đơn vị đang đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực để phát triển kỹ thuật.	Thông tư số 53/2015/TT-BYT ngày 28/12/2015 của Bộ Y tế	
2	Máy siêu âm tổng quát	Máy	1	0	1	Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 600 ca/tháng/cơ sở: tối đa 01 máy / đơn vị	Căn cứ quy định điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện giám định cho tổ chức giám định tư pháp công lập trong lĩnh vực pháp y, pháp y tâm thần và nhu cầu của đơn vị đang đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực để phát triển kỹ thuật.	Thông tư số 53/2015/TT-BYT ngày 28/12/2015 của Bộ Y tế	
3	Bàn mổ	Cái	1	1	1	Tối thiểu 01 cái/01 phòng mổ	Đơn vị có 01 phòng mổ phẫu thuật từ thi	Báo cáo tổng kết năm 2020	
4	Máy điện tim	Máy	1	1	1	01 máy/100 giường điều trị.	Căn cứ quy định điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện giám định cho tổ chức giám định tư pháp công lập trong lĩnh vực pháp y, pháp y tâm thần và nhu cầu của đơn vị đang đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực để phát triển kỹ thuật.	Thông tư số 53/2015/TT-BYT ngày 28/12/2015 của Bộ Y tế	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính	Định mức tối đa đơn vị đề nghị	Số lượng hiện có	Định mức tối đa STC đề nghị ban hành	Quy định định mức tối đa tại Thông tư số 08/2019/TT-BYT	Số liệu thực tế	Tài liệu chứng minh	Ghi chú
5	Máy điện não	Máy	1	0	1	Các đơn vị có thực hiện kỹ thuật chuyên khoa về thăm dò chức năng/thần kinh/tâm thần: 01 - 03 máy.	Căn cứ quy định điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện giám định cho tổ chức giám định tư pháp công lập trong lĩnh vực pháp y, pháp y tâm thần và trung tâm cân trang bị để phục vụ giám định thương tích	Thông tư số 53/2015/TT-BYT ngày 28/12/2015 của Bộ Y tế	
VIII	CƠ SỞ CHĂM SÓC VÀ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG NGƯỜI TÂM THẦN - CAI NGHIỆN MA TÚY TỈNH HÀ GIANG								
1	Máy siêu âm tổng quát	Máy	1	0	1	Nhu cầu sử dụng trung bình 600 -1600 ca/tháng/cơ sở: tối đa 02 hệ thống/đơn vị Tối đa 01 máy/đơn vị hồi sức; cấp cứu, hồi sức sau phẫu thuật, can thiệp và các đơn vị có sử dụng kỹ thuật siêu âm hỗ trợ	Đơn vị là cơ sở chăm sóc chữa bệnh cho bệnh nhân do vậy cần có 01 máy để phục vụ nhu cầu		
2	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	1	0	Hệ thống có tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/giờ	Nhu cầu dưới 1200 test/ngày/cơ sở: tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/giờ	Đơn vị là cơ sở chăm sóc chữa bệnh cho bệnh nhân do vậy cần có 01 máy để phục vụ nhu cầu		
3	Máy điện não	Máy	1	0	1	Các đơn vị có thực hiện kỹ thuật chuyên khoa về thăm dò chức năng/thần kinh/tâm thần: 01 - 03 máy.	Căn cứ quy định điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện giám định cho tổ chức giám định tư pháp công lập trong lĩnh vực pháp y, pháp y tâm thần và trung tâm cân trang bị để phục vụ giám định thương tích		
B	ĐƠN VỊ TUYẾN HUYỆN								
I	BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN VỊ XUYÊN								
1	Hệ thống X - quang								
1.1	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Cái	3	1	3	Nhu cầu trung bình từ 300-2600 ca chụp/tháng/cơ sở: tối đa 02 máy/cơ sở Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 1300 ca chụp/tháng/máy được bổ sung thêm máy tiếp theo	Năm 2020 đơn vị thực hiện trung bình 1758 ca/tháng	Báo cáo tổng kết năm 2020	
1.2	Máy X quang di động	Máy	2	0	2	Tối đa 01 máy/đơn vị hồi sức tích cực, cấp cứu, hồi sức sau phẫu thuật Khoa chẩn đoán hình ảnh: tối đa 01 máy/200 giường nội trú	Đơn vị có các khoa xét nghiệm và chẩn đoán hình ảnh với 276 giường nội trú thực kê; các khoa: gây mê - hồi sức cấp cứu	Báo cáo tổng kết năm 2020	
2	Hệ thống CT - Scanner < 64 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	1	0	1	Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/tháng/cơ sở: tối đa 01 hệ thống/cơ sở	Để tăng cường công tác khám chữa bệnh cho người dân đơn vị dự kiến triển khai thực hiện kỹ thuật trong 3 năm tiếp theo	Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 03 năm tiếp theo	
3	Siêu âm								

STT	Chủng loại	Đơn vị tính	Định mức tối đa đơn vị đề nghị	Số lượng hiện có	Định mức tối đa STC đề nghị ban hành	Quy định định mức tối đa tại Thông tư số 08/2019/TT-BYT	Số liệu thực tế	Tài liệu chứng minh	Ghi chú
3.1	Máy siêu âm chuyên tim mạch	Máy	1	0	1	Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 300 ca/tháng/cơ sở: tối đa 01 máy /đơn vị	Để tăng cường công tác khám chữa bệnh cho người dân đơn vị dự kiến triển khai thực hiện kỹ thuật trong 3 năm tiếp theo	Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 03 năm tiếp theo	
3.2	Máy siêu âm tổng quát	Máy	3	1	3	Nhu cầu sử dụng trung bình 600 -1600 ca/tháng/cơ sở: tối đa 02 hệ thống/đơn vị Tối đa 01 máy/đơn vị hồi sức; cấp cứu, hồi sức sau phẫu thuật, can thiệp và các đơn vị có sử dụng kỹ thuật siêu âm hỗ trợ	Năm 2020 đơn vị thực hiện trung bình 1432 ca/tháng, Đơn vị có các khoa xét nghiệm và chẩn đoán hình ảnh với 276 giường nội trú thực kê; các khoa: gây mê - hồi sức cấp cứu và 01 phòng khám đa khoa khu vực Bạch Ngọc có sử dụng kỹ thuật siêu âm hỗ trợ	Báo cáo tổng kết năm 2020	
4	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	2	1	Hệ thống có tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/giờ	Nhu cầu dưới 1200 test/ngày/cơ sở: tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/giờ	Năm 2020 đơn vị thực hiện xét nghiệm trung bình 607 test/ngày	Báo cáo tổng kết năm 2020	
5	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Hệ thống	1	0	Hệ thống có tổng công suất thiết bị tương đương 100 test/giờ	Dưới 100 test/ngày/cơ sở: máy móc thiết bị có tổng công suất tương đương 100 test/giờ	Dự kiến trong 3 năm tiếp theo đơn vị thực hiện dịch vụ kỹ thuật mới	Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 03 năm tiếp theo	
6	Máy thở	Máy	5	2	5	tối đa 01 máy/giường hồi sức sau phẫu thuật, hồi sức tích cực, cấp cứu	Đơn vị có: Hồi sức cấp cứu: 9 giường thực kê, Ngoại: 02 giường hồi sức sau phẫu thuật, Sản: 02 giường hồi sức sau phẫu thuật, Nhi: 2 giường hồi sức sơ sinh, Nội: 01 giường, Lão: 01 giường, Truyền Nhiễm: 01 giường; TMH: 01 giường, YHCT: 01 giường) Tổng: 20 giường	Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 03 năm tiếp theo	
7	Máy gây mê	Máy	2	2	2	01 máy/bàn mổ	đơn vị có 2 bàn mổ	Báo cáo tổng kết năm 2020	
8	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	30	2	22	01 máy/bàn mổ; 01 máy /giường hồi tỉnh; hồi sức; cấp cứu; 01 máy /giường chăm sóc bệnh nhân nặng	Đơn vị có: Hồi sức cấp cứu: 9 giường thực kê, Ngoại: 02 giường hồi sức sau phẫu thuật, Sản: 02 giường hồi sức sau phẫu thuật, Nhi: 2 giường hồi sức sơ sinh, Nội: 01 giường, Lão: 01 giường, Truyền Nhiễm: 01 giường; TMH: 01 giường, YHCT: 01 giường) Tổng: 20 giường	Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 03 năm tiếp theo	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính	Định mức tối đa đơn vị đề nghị	Số lượng hiện có	Định mức tối đa STC đề nghị ban hành	Quy định định mức tối đa tại Thông tư số 08/2019/TT-BYT	Số liệu thực tế	Tài liệu chứng minh	Ghi chú
9	Bơm tiêm điện	Bơm	31	4	31	Tối thiểu 01 cái/bàn mổ; tối thiểu 01 cái/giường hồi tỉnh; tối đa 05 cái/giường hồi sức, cấp cứu; 01 cái/giường chăm sóc bệnh nhân nặng	Đơn vị có: Hồi sức cấp cứu: 9 giường thực kê, Ngoại: 02 giường hồi sức sau phẫu thuật, Sản: 02 giường hồi sức sau phẫu thuật, Nhi: 2 giường hồi sức sơ sinh, Nội: 01 giường, Lão: 01 giường, Truyền Nhiễm: 01 giường; TMH: 01 giường, YHCT: 01 giường) Tổng: 20 giường		
10	Máy truyền dịch	Máy	31	1	31	Tương đương số lượng bơm tiêm điện			
11	Dao mổ								
11.1	Dao mổ điện cao tần	Cái	2	2	2	tối đa 01 cái/bàn mổ	đơn vị có 2 bàn mổ		
11.2	Dao mổ siêu âm/Dao hàn mạch/Dao hàn mô	Cái	2	0	2	Tối đa 01 cái/phòng mổ	đơn vị có 2 phòng mổ		
12	Máy phá rung tim	Máy	2	1	2	Tối thiểu 01 máy/phòng mổ; Hồi sức; cấp cứu; khoa tim mạch; chống độc	đơn vị có 2 phòng mổ		
13	Hệ thống phẫu thuật nội soi	Hệ thống	1	1	1	1 hệ thống/ bàn mổ có mổ nội soi	đơn vị có 1 bàn mổ thực hiện mổ nội soi		
14	Đèn mổ treo trần	Bộ	2	2	2	1 bộ/bàn mổ	đơn vị có 2 bàn mổ		
15	Đèn mổ di động	Bộ	5	1	2	Tối đa 1 bộ/phòng tiểu phẫu, khoa hồi sức, khoa cấp cứu	đơn vị có các khoa hồi sức cấp cứu, hồi sức tích cực		
16	Bàn mổ	Cái	2	2	2	tối thiểu 01 cái/phòng mổ	đơn vị có 2 phòng mổ		
17	Máy điện tim	Máy	5	3	3	1 máy/100 giường điều trị; 1 máy/200 bệnh nhân khám ngoại trú	đơn vị có 276 giường thực kê điều trị, hơn 200 bệnh nhân khám ngoại trú		
18	Máy điện não	Máy	3	0	3	Các đơn vị có thực hiện kỹ thuật chuyên khoa về thăm dò chức năng/thần kinh/tâm thần: 01 - 03 máy.	đơn vị được phê duyệt danh mục kỹ thuật chuyên khoa về thăm dò chức năng, thần kinh, tâm thần		
19	Hệ thống khám nội soi			0					
19.1	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	1	0	1	Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/tháng/cơ sở; tối đa 1 hệ thống/cơ sở	đơn vị thực hiện dưới 100 ca/tháng		
19.2	Hệ thống nội soi khí quản, phế quản	Hệ thống	1	0	1	Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/tháng/cơ sở; tối đa 1 hệ thống/cơ sở			
19.3	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	1	1	1	Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 200 ca/tháng/cơ sở; tối đa 1 hệ thống/cơ sở	đơn vị thực hiện dưới 200 ca/tháng		
19.4	Hệ thống nội soi tiết niệu	Hệ thống	1	0	1	Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/tháng/cơ sở; tối đa 1 hệ thống/cơ sở			
20	Máy soi cổ tử cung	Máy	2	0	1	01 máy/bàn khám phụ khoa	đơn vị có 1 bàn khám phụ khoa		
21	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy	5	2	2	01 máy/bàn đẻ 01 máy/giường theo dõi sản khoa	Đơn vị có 2 bàn đẻ		
II	BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN XÍN MẦN								
1	Hệ thống X - quang								
1.1	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Cái	2	1	2	Nhu cầu trung bình từ 300-2600 ca chụp/tháng/cơ sở; tối đa 02 máy/ cơ sở	Năm 2020 đơn vị thực hiện 14.581 ca/năm trung bình 1215 ca/tháng	Báo cáo tổng kết năm 2020	
1.2	Máy X quang di động	Máy	1	1	1	Tối đa 01 máy/đơn vị hồi sức tích cực, cấp cứu, hồi sức sau phẫu thuật	Đơn vị có khoa hồi sức cấp cứu		

STT	Chủng loại	Đơn vị tính	Định mức tối đa đơn vị đề nghị	Số lượng hiện có	Định mức tối đa STC đề nghị ban hành	Quy định định mức tối đa tại Thông tư số 08/2019/TT-BYT	Số liệu thực tế	Tài liệu chứng minh	Ghi chú
2	Hệ thống CT - Scanner < 64 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	1	0	1	Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/tháng/cơ sở: tối đa 01 hệ thống/cơ sở	Tại khoa chẩn đoán hình ảnh của đơn vị thực hiện kỹ thuật có nhu cầu triển khai trong thời gian tới là 50 ca/tháng, sau khi đáp ứng phù hợp theo phân tuyến bệnh viện hạng II		
3	Siêu âm								
3.1	Máy siêu âm chuyên tim mạch	Máy	1	0	1	Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/tháng/cơ sở: tối đa 01 hệ thống/cơ sở	Tại khoa chẩn đoán hình ảnh của đơn vị thực hiện kỹ thuật có nhu cầu triển khai trong thời gian tới là 150 ca/tháng, sau khi đáp ứng phù hợp theo phân tuyến bệnh viện hạng II		
3.2	Máy siêu âm tổng quát	Máy	2	3	3	Nhu cầu sử dụng trung bình 600-1600 ca/tháng/cơ sở: tối đa 02 hệ thống/đơn vị Tối đa 01 máy/đơn vị hồi sức, cấp cứu, hồi sức sau phẫu thuật, can thiệp và các đơn vị có sử dụng kỹ thuật siêu âm hỗ trợ	Năm 2020 đơn vị thực hiện 9027 ca/năm trung bình 753 ca/tháng; đơn vị có 01 khoa cấp cứu	Báo cáo tổng kết năm 2020	
4	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	2	2	Tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/giờ	Nhu cầu dưới 1200 test/ngày/cơ sở: tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/giờ	Trung bình năm 2020 đơn vị thực hiện 459 test/ngày	Báo cáo tổng kết năm 2020	
5	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Hệ thống	1	1	Tổng công suất thiết bị tương đương 300 test/giờ	Dưới 100 test/ngày/cơ sở: máy móc thiết bị có tổng công suất tương đương 100 test/giờ	Năm 2020 đơn vị thực hiện test huyết học, nước tiểu, vi sinh trung bình 143 test/ngày		
6	Máy thở	Máy	11	7	11	Tối đa 01 máy/giường hồi sức sau phẫu thuật, hồi sức tích cực, cấp cứu Tiêu chuẩn dự phòng 01 máy/6 máy	Bệnh viện có 10 giường hồi sức sau phẫu thuật, hồi sức tích cực, cấp cứu		
7	Máy gây mê	Máy	3	3	3	01 máy/bàn mổ	Bệnh viện có 3 bàn mổ		
8	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	11	7	11	01 máy/bàn mổ; 01 máy /giường hồi tỉnh; hồi sức; cấp cứu; 01 máy /giường chăm sóc bệnh nhân nặng	Bệnh viện có 3 bàn mổ, 8 giường hồi sức tích cực		
9	Bơm tiêm điện	Bơm	40	4	40	Tối thiểu 01 cái/ bàn mổ. Tối thiểu 01 cái/ giường Hồi tỉnh. Tối đa 05 cái/ giường Hồi sức; Cấp cứu. 01 cái/ giường chăm sóc bệnh nhân nặng. Tối đa 02 cái/ giường điều trị bệnh nhân ngoại trú chuyên khoa Nhi, Ung bướu.	Bệnh viện có 3 bàn mổ, 10 giường hồi sức sau phẫu thuật, hồi sức tích cực, cấp cứu		
10	Máy truyền dịch	Máy	40	3	40	Tương đương số lượng bơm tiêm điện			
11	Dao mổ								

STT	Chủng loại	Đơn vị tính	Định mức tối đa đơn vị đề nghị	Số lượng hiện có	Định mức tối đa STC đề nghị ban hành	Quy định định mức tối đa tại Thông tư số 08/2019/TT-BYT	Số liệu thực tế	Tài liệu chứng minh	Ghi chú
11.1	Dao mổ điện cao tần	Cái	3	2	3	Tối đa 01 cái/bàn mổ	Bệnh viện có 3 bàn mổ		
11.2	Dao mổ siêu âm/Dao hàn mạch/Dao hàn mô	Cái	3	0	3	Tối đa 01 cái/phòng mổ	Bệnh viện có 3 phòng mổ		
12	Máy phá rung tim	Máy	3	1	3	Tối thiểu 01 máy/phòng mổ; Hồi sức; cấp cứu; khoa tim mạch; chống độc	Bệnh viện có 3 phòng mổ		
13	Hệ thống phẫu thuật nội soi	Hệ thống	1	1	1	01 hệ thống/ Bàn mổ có mổ nội soi.	Bệnh viện có bàn mổ nội soi		
14	Đèn mổ treo trần	Bộ	3	3	3	01 bộ/bàn mổ	Bệnh viện có 3 bàn mổ		
15	Đèn mổ di động	Bộ	3	0	3	Tối đa 01 bộ/ Phòng tiểu phẫu; khoa hồi sức; khoa cấp cứu.	Bệnh viện có 06 phòng tiểu phẫu		
16	Bàn mổ	Cái	3	3	3	Tối thiểu 01 cái/phòng mổ	Bệnh viện có 3 phòng mổ		
17	Máy điện tim	Máy	3	4	3	01 máy/100 giường điều trị; 01 máy/200 bệnh nhân khám ngoại trú	Bệnh viện có 130 giường bệnh, quý I/2021 thực hiện khám ngoại trú 2428 ca	Báo cáo thực hiện chỉ tiêu chuyên môn quý I năm 2021	
18	Máy điện não	Máy	1	0	1	Các đơn vị có thực hiện kỹ thuật chuyên khoa về thăm dò chức năng/thần kinh/tâm thần: 01 - 03 máy.	Đơn vị được phê duyệt danh mục kỹ thuật thăm dò, lường giá, chẩn đoán và điều trị phục hồi chức năng, đơn vị triển khai kỹ thuật thăm khám về thăm dò chức năng quý I/2021, trung bình 177 ca/tháng		
19	Hệ thống khám nội soi								
19.1	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	1	1	1	Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/tháng/cơ sở: tối đa 01 hệ thống/cơ sở.	Quý I đơn vị thực hiện 286 ca nội soi , trung bình 95 ca/tháng	Báo cáo thực hiện chỉ tiêu chuyên môn quý I năm 2021	
19.2	Hệ thống nội soi khí quản, phế quản	Hệ thống	1	0	1	Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/tháng/cơ sở: tối đa 01 hệ thống/cơ sở.	Quý I đơn vị thực hiện 286 ca nội soi , trung bình 95 ca/tháng	Báo cáo thực hiện chỉ tiêu chuyên môn quý I năm 2021	
19.3	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	2	1	2	Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 200 ca/tháng/cơ sở: tối đa 01 hệ thống/cơ sở; 01 hệ thống/bàn khám tai mũi họng	Quý I đơn vị thực hiện 286 ca nội soi , trung bình 95 ca/tháng, đơn vị có 1 bàn khám tai mũi họng tại phòng khám	Báo cáo thực hiện chỉ tiêu chuyên môn quý I năm 2021	
19.4	Hệ thống nội soi tiết niệu	Hệ thống	1	0	1	Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/tháng/cơ sở: tối đa 01 hệ thống/cơ sở.	Quý I đơn vị thực hiện 286 ca nội soi , trung bình 95 ca/tháng	Báo cáo thực hiện chỉ tiêu chuyên môn quý I năm 2021	
20	Máy soi cổ tử cung	Máy	1	0	1	01 máy/bàn khám phụ khoa	đơn vị có 01 bàn khám phụ khoa		
21	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy	3	2	3	01 máy/bàn đẻ 01 máy/giường theo dõi sản khoa	đơn vị có 2 bàn đẻ, 01 giường theo dõi, khám phụ khoa, sản khoa		
III BỆNH VIỆN ĐA KHOA NÀ CHỈ HUYỆN XÍN MÀN									
1	Hệ thống X - quang								
1.1	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Cái	1	1	1	Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/tháng/cơ sở: tối đa 01 máy/cơ sở	Năm 2020 đơn vị thực hiện trung bình 248 ca chụp/tháng	Báo cáo năm 2020	
1.2	Máy X quang di động	Máy	1	0	1	Tối đa 1 máy/đơn vị hồi sức tích cực; cấp cứu, hồi sức sau phẫu thuật	đơn vị có khoa gây mê hồi sức, khoa cấp cứu, hồi sức tích cực - chống độc	Bảng kê khai nhân lực và cơ sở vật chất	
2	Siêu âm								
2.1	Máy siêu âm chuyên tim mạch	Máy	1	0	1	Nhu cầu sử dụng trung bình ≤ 300 ca/tháng/cơ sở: tối đa 01 máy/đơn vị	Đơn vị có nhu cầu nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và điều trị cho bệnh nhân trong thời gian tới khi được chuyển giao kỹ thuật và đào tạo nhân sự thực hiện		
2.2	Máy siêu âm tổng quát	Máy	1	1	1	Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 600 ca/tháng/cơ sở: tối đa 01 máy / đơn vị	Năm 2020 đơn vị thực hiện trung bình 124 ca /tháng	Báo cáo năm 2020	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính	Định mức tối đa đơn vị đề nghị	Số lượng hiện có	Định mức tối đa STC đề nghị ban hành	Quy định định mức tối đa tại Thông tư số 08/2019/TT-BYT	Số liệu thực tế	Tài liệu chứng minh	Ghi chú
3	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	1	1	Hệ thống có tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/giờ	Nhu cầu dưới 1200 test/ngày/cơ sở: tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/giờ	Trung bình năm 2020 thực hiện 32 test/ngày	Báo cáo năm 2020	
4	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Hệ thống	1	0	Hệ thống máy móc thiết bị có tổng công suất tương đương 100 test/giờ	Dưới 100 test/ngày/cơ sở: máy móc thiết bị có tổng công suất tương đương 100 test/giờ	Đơn vị có nhu cầu nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và điều trị cho bệnh nhân trong thời gian tới		
5	Máy thở	Máy	2	0	2	Tối đa 01 máy/giường hồi sức sau phẫu thuật, hồi sức tích cực, cấp cứu	Bệnh viện có 04 giường hồi sức cấp cứu		
6	Máy gây mê	Máy	2	2	2	01 máy/bàn mổ	Bệnh viện hiện có 2 bàn mổ		
7	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	7	4	6	01 máy/bàn mổ; 01 máy /giường hồi tỉnh; hồi sức; cấp cứu; 01 máy /giường chăm sóc bệnh nhân nặng	Bệnh viện có 2 bàn mổ, 04 giường hồi sức		
8	Bơm tiêm điện	Bơm	14	4	14	Tối thiểu 01 cái/bàn mổ; tối thiểu 01 cái/giường hồi tỉnh; tối đa 05 cái/giường hồi sức, cấp cứu; 01 cái/giường chăm sóc bệnh nhân nặng	Bệnh viện có 2 bàn mổ, 4 giường hồi sức		
9	Máy truyền dịch	Máy	14	2	14	Tương đương số lượng bơm tiêm điện			
10	Dao mổ								
10.1	Dao mổ điện cao tần	Cái	2	1	2	Tối đa 1 cái/bàn mổ	Bệnh viện có 2 bàn mổ		
10.2	Dao mổ siêu âm/Dao hàn mạch/Dao hàn mô	Cái	2	0	2	Tối đa 01 cái/phòng mổ	Bệnh viện có 2 phòng mổ		
11	Đèn mổ treo trần	Bộ	2	1	2	01 bộ/bàn mổ	Bệnh viện có 2 bàn mổ		
12	Đèn mổ di động	Bộ	2	0	2	Tối đa 1 bộ/phòng tiểu phẫu, khoa hồi sức, khoa cấp cứu	Bệnh viện có 1 phòng tiểu phẫu, 1 khoa hồi sức tích cực		
13	Bàn mổ	Cái	2	1	2	Tối thiểu 1 cái/phòng mổ	Bệnh viện có 2 phòng mổ		
14	Máy điện tim	Máy	1	1	1	01 máy/200 bệnh nhân khám ngoại trú	năm 2020 đơn vị thực hiện trung bình 537 ca khám ngoại trú		
15	Máy điện não	Máy	2	0	0	Các đơn vị có thực hiện kỹ thuật chuyên khoa về thăm dò chức năng/thần kinh/tâm thần: 01 - 03 máy.			Không có hồ sơ để xây dựng định mức
16	Hệ thống khám nội soi								

STT	Chủng loại	Đơn vị tính	Định mức tối đa đơn vị đề nghị	Số lượng hiện có	Định mức tối đa STC đề nghị ban hành	Quy định định mức tối đa tại Thông tư số 08/2019/TT-BYT	Số liệu thực tế	Tài liệu chứng minh	Ghi chú
16.1	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	1	0	1	Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/tháng/cơ sở: tối đa 01 hệ thống/cơ sở	Đơn vị có nhu cầu nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và điều trị cho bệnh nhân trong thời gian tới khi được chuyển giao kỹ thuật và đào tạo nhân sự thực hiện		
16.2	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	1	1	1	Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/tháng/cơ sở: tối đa 1 hệ thống/cơ sở	Đơn vị có 1 hệ thống mới đưa vào sử dụng năm 2021 sử dụng trung bình dưới 200 ca/tháng		
17	Máy soi cổ tử cung	Máy	2	1	2	1 máy/bàn khám phụ khoa	Đơn vị có 2 bàn khám phụ khoa		
18	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy	2	1	2	1 máy/bàn đẻ	Đơn vị có 2 bàn đẻ		
IV BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN QUẢN BẠ									
1	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Cái	3	1	2	Nhu cầu trung bình từ 300-2600 ca chụp/tháng/cơ sở: tối đa 02 máy/cơ sở Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 1300 ca chụp/tháng/máy được bổ sung thêm máy tiếp theo	Năm 2020 đơn vị thực hiện trung bình 680 ca chụp/tháng	Báo cáo thực hiện chỉ tiêu chuyên môn tại các khoa lâm sàng và cận lâm sàng 12 tháng năm 2020	
2	Hệ thống CT - Scanner 64-128 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	1	0	1	Nhu cầu sử dụng trung bình ≤ 400 ca chụp/tháng/cơ sở: tối đa 01 hệ thống /cơ sở	Hiện nay đơn vị đã có bác sỹ chuyên khoa được đào tạo để thực hiện các kỹ thuật chuyên sâu về chụp CT, do vậy đề suất định mức 01 chiếc để triển khai tại bệnh viện trong 3 năm tiếp theo	Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 03 năm tiếp theo	
3	Máy siêu âm tổng quát	Máy	5	3	5	Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 600 ca/tháng/cơ sở: tối đa 01 máy/đơn vị Nhu cầu sử dụng trung bình 600-1600 ca/tháng/cơ sở: tối đa 02 hệ thống/đơn vị Tối đa 01 máy/đơn vị hồi sức, cấp cứu, hồi sức sau phẫu thuật, can thiệp và các đơn vị có sử dụng kỹ thuật siêu âm hỗ trợ	Năm 2020 đơn vị thực hiện trung bình 493 ca/tháng, đơn vị có các khoa hồi sức tích cực, cấp cứu, hồi sức sau phẫu thuật, can thiệp. Ngoài ra bệnh viện có 02 phòng khám đa khoa khu vực Đồng Hà và Tùng Vài có sử dụng kỹ thuật siêu âm hỗ trợ để khám chữa cho bệnh nhân	Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 03 năm tiếp theo	
4	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	2	1	Hệ thống có tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/giờ	Nhu cầu dưới 1200 test/ngày/cơ sở: tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/giờ	Năm 2020 đơn vị thực hiện trung bình 103 test xét nghiệm/ngày	Báo cáo thực hiện chỉ tiêu chuyên môn tại các khoa lâm sàng và cận lâm sàng 12 tháng năm 2020	
5	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Hệ thống	2	1	Hệ thống có tổng suất suất tương đương 300 test/giờ	100 -300 test/ngày/cơ sở: máy móc thiết bị có tổng công suất tương đương 300 test/giờ	Năm 2020 đơn vị thực hiện trung bình 103 test xét nghiệm/ngày	Báo cáo thực hiện chỉ tiêu chuyên môn tại các khoa lâm sàng và cận lâm sàng 12 tháng năm 2020	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính	Định mức tối đa đơn vị đề nghị	Số lượng hiện có	Định mức tối đa STC đề nghị ban hành	Quy định định mức tối đa tại Thông tư số 08/2019/TT-BYT	Số liệu thực tế	Tài liệu chứng minh	Ghi chú
7	Máy thở	Máy	6	4	6	Tối đa 01 máy/giường hồi sức sau phẫu thuật, hồi sức tích cực, cấp cứu	đơn vị có các khoa hồi sức tích cực, cấp cứu, hồi sức sau phẫu thuật, can thiệp	Báo cáo thực hiện chỉ tiêu chuyên môn tại các khoa lâm sàng và cận lâm sàng 12 tháng năm 2020	
9	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	11	6	11	01 máy/bàn mổ; 01 máy /giường hồi tỉnh; hồi sức; cấp cứu; 01 máy /giường chăm sóc bệnh nhân nặng	đơn vị có 2 bàn mổ, 9 giường hồi tỉnh, cấp cứu, chăm sóc bệnh nhân nặng	Báo cáo thực hiện chỉ tiêu chuyên môn tại các khoa lâm sàng và cận lâm sàng 12 tháng năm 2020	
10	Bơm tiêm điện	Bơm	10	3	10	tối thiểu 01 cái/bàn mổ tối thiểu 01 cái/giường hồi tỉnh Tối đa 05 cái/giường hồi sức, cấp cứu 01 cái/giường chăm sóc bệnh nhân nặng Tối đa 02 cái/giường điều trị bệnh nhân ngoại trú chuyên khoa nhi, ung bướu	đơn vị có 2 bàn mổ, 9 giường hồi tỉnh, cấp cứu, chăm sóc bệnh nhân nặng	Báo cáo thực hiện chỉ tiêu chuyên môn tại các khoa lâm sàng và cận lâm sàng 12 tháng năm 2020	
11	Máy truyền dịch	Máy	9	1	10	Tương đương số lượng bơm tiêm điện		Báo cáo thực hiện chỉ tiêu chuyên môn tại các khoa lâm sàng và cận lâm sàng 12 tháng năm 2020	
12	Dao mổ điện cao tần	Cái	4	2	2	Tối đa 01 cái/bàn mổ	đơn vị có 2 bàn mổ	Báo cáo thực hiện chỉ tiêu chuyên môn tại các khoa lâm sàng và cận lâm sàng 12 tháng năm 2020	
13	Đèn mổ treo trần	Bộ	3	2	2	01 bộ/bàn mổ	đơn vị có 2 bàn mổ	Báo cáo thực hiện chỉ tiêu chuyên môn tại các khoa lâm sàng và cận lâm sàng 12 tháng năm 2020	
14	Đèn mổ di động	Bộ	3	1	3	Tối đa 01 bộ/phòng tiểu phẫu; khoa hồi sức, cấp cứu	đơn vị có 2 phòng tiểu phẫu, 1 khoa hồi sức cấp cứu	Báo cáo thực hiện chỉ tiêu chuyên môn tại các khoa lâm sàng và cận lâm sàng 12 tháng năm 2020	
15	Bàn mổ	Cái	3	2	3	Tối thiểu 01 cái/phòng mổ	Đơn vị có 2 phòng mổ	Báo cáo thực hiện chỉ tiêu chuyên môn tại các khoa lâm sàng và cận lâm sàng 12 tháng năm 2020	
16	Máy điện tim	Máy	3	1	3	01 máy/100 giường điều trị; 01 máy/200 bệnh nhân khám ngoại trú	Năm 2020 đơn thực hiện 200 giường điều trị, trên 200 bệnh nhân khám ngoại trú	Báo cáo thực hiện chỉ tiêu chuyên môn tại các khoa lâm sàng và cận lâm sàng 12 tháng năm 2020	
17	Máy điện não	Máy	1	0	1	Các đơn vị có thực hiện kỹ thuật chuyên khoa về thăm dò chức năng/thần kinh/tâm thần: 01 - 03 máy.	đơn vị có thực hiện kỹ thuật chuyên khoa về thăm dò chức năng, thần kinh, tâm thần	Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 03 năm tiếp theo	
18	Hệ thống khám nội soi								
18.1	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	1	0	1	Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/tháng/cơ sở: tối đa 1 hệ thống/cơ sở	Dự kiến đơn vị thực hiện kỹ thuật nội soi trong 3 năm tiếp theo	Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 03 năm tiếp theo	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính	Định mức tối đa đơn vị đề nghị	Số lượng hiện có	Định mức tối đa STC đề nghị ban hành	Quy định định mức tối đa tại Thông tư số 08/2019/TT-BYT	Số liệu thực tế	Tài liệu chứng minh	Ghi chú
18.2	Hệ thống nội soi khí quản, phế quản	Hệ thống	1	0	1	Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/tháng/cơ sở: tối đa 1 hệ thống/cơ sở	Dự kiến đơn vị thực hiện kỹ thuật nội soi trong 3 năm tiếp theo	Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 03 năm tiếp theo	
18.3	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	2	1	1	Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 200 ca/tháng/cơ sở: tối đa 01 hệ thống/cơ sở	Năm 2020 đơn vị thực hiện 517 ca	Báo cáo thực hiện chỉ tiêu chuyên môn tại các khoa lâm sàng và cận lâm sàng 12 tháng năm 2020	
18.4	Hệ thống nội soi tiết niệu	Hệ thống	1	0	1	Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/tháng/cơ sở: tối đa 1 hệ thống/cơ sở	Dự kiến đơn vị thực hiện kỹ thuật nội soi trong 3 năm tiếp theo	Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 03 năm tiếp theo	
21	Máy soi cổ tử cung	Máy	4	0	4	01 máy/bàn khám phụ khoa	dự kiến đơn vị có nhu cầu đặt bàn khám phụ khoa tại khoa phụ sản, phòng khám sản, 02 phòng khám khu vực Đông Hà và Tùng Vải	Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 03 năm tiếp theo	
22	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy	8	2	4	01 máy/bàn đẻ 01 máy/giường theo dõi sản khoa	đơn vị có 2 bàn đẻ, 02 giường theo dõi sản khoa tại phòng khám khu vực Đông Hà và Tùng Vải	Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 03 năm tiếp theo	
V	BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN ĐÔNG VÂN								
1	Hệ thống X - quang								
1.1	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Cái	1	0	1	Nhu cầu trung bình từ 300-2600 ca chụp/tháng/ cơ sở: tối đa 02 máy/cơ sở	Năm 2020 đơn vị thực hiện 11840 ca trung bình 986 ca/tháng	Báo cáo kết quả khám chữa bệnh năm 2020	
1.2	Máy X quang di động	Máy	1	0	1	Tối đa 01 máy/đơn vị hồi sức tích cực; cấp cứu; hồi sức sau phẫu thuật; Khoa chẩn đoán hình ảnh: tối đa 01 máy/200 giường nội trú	đơn vị có 01 khoa hồi sức cấp cứu	Báo cáo kết quả khám chữa bệnh năm 2020	
2	Hệ thống CT - Scanner < 64 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	1	0	1	Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/tháng/cơ sở: tối đa 01 hệ thống/cơ sở	Đơn vị dự kiến sẽ triển khai kỹ thuật trong năm 2021, dự kiến số bệnh nhân sử dụng dưới 300 ca/tháng, hiện nay đơn vị đã có khoa chẩn đoán hình ảnh và bác sĩ chuyên khoa I về chẩn đoán hình ảnh	Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong giai đoạn 2021-2023	
3	Siêu âm								
3.1	Máy siêu âm chuyên tim mạch	Máy	1	0	1	Nhu cầu sử dụng trung bình ≤ 300 ca/tháng/cơ sở: tối đa 01 máy/đơn vị	Đơn vị dự kiến sẽ triển khai kỹ thuật trong giai đoạn 2021-2023, dự kiến số bệnh nhân sử dụng dưới 300 ca/tháng, hiện nay đơn vị đã có khoa chẩn đoán hình ảnh và bác sĩ chuyên khoa I về chẩn đoán hình ảnh	Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong giai đoạn 2021-2023	
3.2	Máy siêu âm tổng quát	Máy	6	4	5	Nhu cầu sử dụng trung bình 600 - 1600 ca / tháng/ cơ sở: tối đa 02 hệ thống/đơn vị. Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 800 ca/ tháng/ máy được bổ sung định mức máy tiếp theo. Tối đa 01 máy/ đơn vị hồi sức; cấp cứu; hồi sức sau phẫu thuật, can thiệp và các đơn vị có sử dụng kỹ thuật siêu âm hỗ trợ	Năm 2020 trung bình đơn vị thực hiện 852 lượt/tháng. đơn vị có 01 khoa hồi sức cấp cứu, 02 phòng khám đa khoa khu vực Phó Bảng và Lũng Phìn có sử dụng kỹ thuật siêu âm hỗ trợ	Báo cáo kết quả khám chữa bệnh năm 2020, Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong giai đoạn 2021-2023	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính	Định mức tối đa đơn vị đề nghị	Số lượng hiện có	Định mức tối đa STC đề nghị ban hành	Quy định định mức tối đa tại Thông tư số 08/2019/TT-BYT	Số liệu thực tế	Tài liệu chứng minh	Ghi chú
4	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	4	3	Hệ thống có tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/giờ	Nhu cầu dưới 1200 test/ngày/cơ sở; tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/giờ	Năm 2020 đơn vị thực hiện trung bình 400 test/ngày	Báo cáo kết quả khám chữa bệnh năm 2020	
5	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Hệ thống	1	0	Hệ thống có tổng công suất tương đương 100 test/giờ	Dưới 100 test/ngày/cơ sở; máy móc thiết bị có tổng công suất tương đương 100 test/giờ	Đơn vị dự kiến triển khai kỹ thuật mới trong giai đoạn 2021-2023	Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong giai đoạn 2021-2023	
6	Máy thận nhân tạo	Máy	3	0	3	Số lượng máy đáp ứng nhu cầu sử dụng tối thiểu 02 ca/ngày/máy.	Đơn vị dự kiến triển khai kỹ thuật mới trong giai đoạn 2021-2023. dự kiến nhu cầu từ 3-6 ca/ngày	Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong giai đoạn 2021-2023	
7	Máy thở	Máy	17	4	17	Tối đa 01 máy/giường hồi sức tích cực, cấp cứu; tiêu chuẩn dự phòng 01 máy/6 máy	Đơn vị có 3 giường hồi sức sau phẫu thuật, 12 giường hồi sức cấp cứu, 03 giường cấp cứu nhi	Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong giai đoạn 2021-2023	
8	Máy gây mê	Máy	3	2	2	01 máy/bàn mổ	đơn vị hiện có 2 bàn mổ	Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong giai đoạn 2021-2023	
9	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	18	3	18	01 máy/bàn mổ; 01 máy /giường hồi tỉnh; hồi sức; cấp cứu; 01 máy /giường chăm sóc bệnh nhân nặng	Đơn vị có 2 bàn mổ; 3 giường hồi sức sau phẫu thuật, 12 giường hồi sức cấp cứu, 03 giường cấp cứu nhi	Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong giai đoạn 2021-2023	
10	Bơm tiêm điện	Bơm	20	5	20	Tối thiểu 01 cái/bàn mổ; tối thiểu 01 cái/giường hồi tỉnh; tối đa 05 cái/giường hồi sức, cấp cứu; 01 cái/giường chăm sóc bệnh nhân nặng	Đơn vị có 2 bàn mổ; 3 giường hồi sức sau phẫu thuật, 12 giường hồi sức cấp cứu, 03 giường cấp cứu nhi		
11	Máy truyền dịch	Máy	20	2	20	Tương đương số lượng bơm tiêm điện			
12	Dao mổ điện cao tần	Cái	2	2	2	Tối đa 1 cái/bàn mổ	đơn vị hiện có 2 bàn mổ		
13	Hệ thống phẫu thuật nội soi	Hệ thống	1	0	1	01 hệ thống/ Bàn mổ có mổ nội soi.	Dự kiến đơn vị triển khai kỹ thuật trong năm 2021, hiện nay đã có nhân sự được đào tạo xong về phẫu thuật nội soi	Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong giai đoạn 2021-2023	
14	Đèn mổ treo trần	Bộ	4	2	2	01 bộ/ Bàn mổ	đơn vị có 2 bàn mổ		
15	Đèn mổ di động	Bộ	4	1	4	Tối đa 01 bộ/ Phòng tiểu phẫu; khoa hồi sức; khoa cấp cứu.	đơn vị có 3 phòng tiểu phẫu tại khoa ngoại , sản, khoa khám bệnh, có 01 khoa hồi sức cấp cứu	Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong giai đoạn 2021-2023	
16	Bàn mổ	Cái	4	2	4	Tối thiểu 01 cái/phòng mổ	Đơn vị có phòng mổ nội soi		
17	Máy điện tim	Máy	2	1	2	01 máy/100 giường điều trị; 01 máy/200 bệnh nhân khám ngoại trú	Số giường thực kê của đơn vị là 205 giường	Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong giai đoạn 2021-2023	
18	Máy điện não	Máy	1	0	1	Các đơn vị có thực hiện kỹ thuật chuyên khoa về thăm dò chức năng/thần kinh/tâm thần: 01 - 03 máy.	Đơn vị đã đăng ký đào tạo nhân lực, dự kiến triển khai trong năm 2023	Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong giai đoạn 2021-2023	
19	Hệ thống khám nội soi								

STT	Chủng loại	Đơn vị tính	Định mức tối đa đơn vị đề nghị	Số lượng hiện có	Định mức tối đa STC đề nghị ban hành	Quy định định mức tối đa tại Thông tư số 08/2019/TT-BYT	Số liệu thực tế	Tài liệu chứng minh	Ghi chú
19.1	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	2	1	2	Nhu cầu sử dụng trung bình 100-400 ca/tháng/cơ sở; tối đa 02 hệ thống/cơ sở	Năm 2020 đơn vị thực hiện trung bình 540 ca/tháng	Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong giai đoạn 2021-2023	
19.2	Hệ thống nội soi khí quản, phế quản	Hệ thống	1	0	1	Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/tháng/cơ sở; tối đa 01 hệ thống/cơ sở	Dự kiến đơn vị sẽ triển khai kỹ thuật năm 2022	Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong giai đoạn 2021-2023	
19.3	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	2	1	1	Nhu cầu sử dụng dưới 200 ca/tháng/cơ sở; tối đa 01 hệ thống/cơ sở	Năm 2020 đơn vị thực hiện trung bình 188 ca/tháng/cơ sở	Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong giai đoạn 2021-2023	
19.4	Hệ thống nội soi tiết niệu	Hệ thống	1	0	1	Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/tháng/cơ sở; tối đa 01 hệ thống/cơ sở	Dự kiến đơn vị sẽ triển khai kỹ thuật năm 2022	Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong giai đoạn 2021-2023	
20	Máy soi cổ tử cung	Máy	2	0	2	01 máy/bàn khám phụ khoa	đơn vị hiện có 2 bàn khám phụ khoa	Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong giai đoạn 2021-2023	
21	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy	5	2	5	01 máy/bàn đẻ 01 máy/giường theo dõi sản khoa	đơn vị có 2 bàn đẻ, 3 giường theo dõi sản khoa	Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong giai đoạn 2021-2023	
VI	BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC YÊN MINH								
1	Hệ thống X - quang								
1.1	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Cái	5	3	5	Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/tháng/cơ sở; tối đa 01 máy/cơ sở Nhu cầu trung bình từ 300 - 2600 ca chụp/tháng/cơ sở; tối đa 02 máy/cơ sở.	Năm 2020 số lượng chụp 19313 ca/ năm, trung bình thực hiện 1609 ca/tháng. Đơn vị có phòng khám khu vực là Mậu Duệ, Lũng Hồ, Bạch Đích có sử dụng kỹ thuật chụp X-quang	Báo cáo tổng kết năm 2020	
1.2	Máy X quang di động	Máy	4	0	4	Tối đa 01 máy/ đơn vị hồi sức tích cực; cấp cứu; hồi sức sau phẫu thuật. Khoa Chẩn đoán hình ảnh: Tối đa 01 máy/ 200 giường nội trú.	Hiện nay đơn vị có các khoa: Cấp cứu; Hồi sức tích cực; Bệnh viện có khoa chuẩn đoán hình ảnh với số giường thực kê là 440 giường	Báo cáo tổng kết năm 2020	
1.3	Máy X quang C Arm	Máy	1	0	1	Tối đa 01 máy/04 phòng mổ	Hiện nay đơn vị có 03 phòng mổ, trong năm 2021 đơn vị dự kiến triển khai thêm 01 phòng mổ		
2	Hệ thống CT - Scanner								
2.1	Hệ thống CT - Scanner < 64 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	1	1	1	Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/tháng/ cơ sở; Tối đa 01 hệ thống/cơ sở	Năm 2020 đơn vị thực hiện chụp 608 ca chụp, trung bình 50 ca chụp/tháng	Báo cáo tổng kết năm 2020	
2.2	Hệ thống CT - Scanner 64 - 128 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	1	0	1	Nhu cầu sử dụng trung bình ≤ 400 ca chụp/tháng/ cơ sở; tối đa 01 hệ thống/ cơ sở	Dự kiến trong 03 năm tới đơn vị tổ chức thực hiện triển khai kỹ thuật	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 03 năm tiếp theo	
3	Hệ thống chụp cộng hưởng từ ≥ 1.5 Tesla	Hệ thống	1	0	1	Nhu cầu sử dụng trung bình ≤ 400 ca chụp/tháng/ cơ sở; tối đa 01 hệ thống/ cơ sở	Dự kiến trong 03 năm tới đơn vị tổ chức thực hiện triển khai kỹ thuật	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 03 năm tiếp theo	
4	Hệ thống chụp mạch số hóa xóa nền (DSA)	Hệ thống	1	0	0				Không có cơ sở tổng hợp
5	Siêu âm								

STT	Chủng loại	Đơn vị tính	Định mức tối đa đơn vị đề nghị	Số lượng hiện có	Định mức tối đa STC đề nghị ban hành	Quy định định mức tối đa tại Thông tư số 08/2019/TT-BYT	Số liệu thực tế	Tài liệu chứng minh	Ghi chú
5.1	Máy siêu âm chuyên tim mạch	Máy	1	0	1	Nhu cầu sử dụng trung bình ≤ 300 ca/tháng/cơ sở: tối đa 01 máy/đơn vị	Đơn vị dự kiến sẽ triển khai kỹ thuật trong giai đoạn 2021-2023, dự kiến số bệnh nhân sử dụng dưới 300 ca/tháng, hiện nay đơn vị đã có khoa chẩn đoán hình ảnh và bác sĩ chuyên khoa I về chẩn đoán hình ảnh	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 03 năm tiếp theo	
5.2	Máy siêu âm tổng quát	Máy	9	4	7	Nhu cầu sử dụng trung bình 600 -1600 ca/tháng/cơ sở: tối đa 02 hệ thống/đơn vị Tối đa 01 máy/đơn vị hồi sức; cấp cứu, hồi sức sau phẫu thuật, can thiệp và các đơn vị có sử dụng kỹ thuật siêu âm hỗ trợ	Năm 2020 đơn vị thực hiện trung bình 1229 ca/tháng, Đơn vị có 01 khoa cấp cứu, 01 đơn vị hồi sức sau phẫu thuật, 03 phòng khám khu vực sử dụng kỹ thuật siêu âm hỗ trợ	Báo cáo tổng kết năm 2020	
6	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	5	4	Hệ thống có tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/giờ	Nhu cầu dưới 1200 test/ngày/cơ sở: tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/giờ	Năm 2020 đơn vị thực hiện trung bình 146 test/ngày	Báo cáo tổng kết năm 2020	
7	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Hệ thống	2	1	Hệ thống có tổng công suất tương đương 100 test/giờ	Dưới 100 test/ngày/cơ sở: máy móc thiết bị có tổng công suất tương đương 100 test/giờ	Năm 2020 đơn vị thực hiện khoảng 6 test/ngày	Báo cáo tổng kết năm 2020	
8	Máy thận nhân tạo	Máy	8	6	8	Số lượng máy đáp ứng nhu cầu sử dụng tối thiểu 02 ca/ngày/máy.	Năm 2020 đơn vị thực hiện 3476 ca chạy chu kỳ/năm trung bình 289 ca/tháng. Trong 3 năm tới để đáp ứng được số bệnh nhân chạy thận cấp cứu và đáp ứng được 2 ca/ngày cần có 8 máy	Báo cáo tổng kết năm 2020	
9	Máy thở	Máy	22	3	22	Tối đa 01 máy/giường hồi sức sau phẫu thuật, hồi sức tích cực, cấp cứu Tiêu chuẩn dự phòng 01 máy/6 máy	đơn vị có 4 giường hồi sức sau phẫu thuật, 9 giường hồi sức tích cực chống độc, 6 giường cấp cứu.	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 03 năm tiếp theo	
10	Máy gây mê	Máy	5	3	4	01 máy/bàn mổ	đơn vị có 3 bàn mổ. Dự kiến trong 3 năm tới sẽ phát triển thêm 1 phòng mổ có ít nhất 1 bàn mổ	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 03 năm tiếp theo	
11	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	58	12	52	01 máy/bàn mổ; 01 máy /giường hồi tỉnh; hồi sức; cấp cứu; 01 máy /giường chăm sóc bệnh nhân nặng	đơn vị có 3 bàn mổ, 4 giường hồi sức sau phẫu thuật, 9 giường hồi sức tích cực chống độc, 6 giường cấp cứu, 30 giường chăm sóc bệnh nhân nặng	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 03 năm tiếp theo	
12	Bơm tiêm điện	Bơm	118	16	112	Tối thiểu 01 cái/bàn mổ; tối thiểu 01 cái/giường hồi tỉnh; tối đa 05 cái/giường hồi sức, cấp cứu; 01 cái/giường chăm sóc bệnh nhân nặng	đơn vị có 3 bàn mổ, 4 giường hồi sức sau phẫu thuật, 9 giường hồi sức tích cực chống độc, 6 giường cấp cứu, 30 giường chăm sóc bệnh nhân nặng	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 03 năm tiếp theo	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính	Định mức tối đa đơn vị đề nghị	Số lượng hiện có	Định mức tối đa STC đề nghị ban hành	Quy định định mức tối đa tại Thông tư số 08/2019/TT-BYT	Số liệu thực tế	Tài liệu chứng minh	Ghi chú
13	Máy truyền dịch	Máy	118	3	112	Tương đương số lượng bơm tiêm điện			
14	Dao mổ								
14.1	Dao mổ điện cao tần	Cái	5	3	4	tối đa 01 cái/bàn mổ	đơn vị có 3 bàn mổ. Dự kiến trong 3 năm tới sẽ phát triển thêm 1 phòng mổ có ít nhất 1 bàn mổ	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 03 năm tiếp theo	
14.2	Dao mổ siêu âm/Dao hàn mạch/Dao hàn mô	Cái	4	0	4	Tối đa 01 cái/phòng mổ	đơn vị có 3 phòng mổ. Dự kiến trong 3 năm tới sẽ phát triển thêm 1 phòng mổ	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 03 năm tiếp theo	
15	Máy phá rung tim	Máy	4	2	4	Tối thiểu 01 máy/phòng mổ; Hồi sức; cấp cứu; khoa tim mạch; chống độc	đơn vị có 3 phòng mổ. Dự kiến trong 3 năm tới sẽ phát triển thêm 1 phòng mổ	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 03 năm tiếp theo	
16	Hệ thống phẫu thuật nội soi	Hệ thống	2	1	2	01 hệ thống/ Bàn mổ có mổ nội soi.	Đơn vị hiện có 01 bàn mổ nội soi, dự kiến trong 3 năm tiếp theo sẽ phát triển thêm 01 bàn mổ nội soi	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 03 năm tiếp theo	
17	Đèn mổ treo trần	Bộ	4	2	4	01 bộ/bàn mổ	đơn vị có 3 bàn mổ. Dự kiến trong 3 năm tới sẽ phát triển thêm 1 phòng mổ có ít nhất 1 bàn mổ	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 03 năm tiếp theo	
18	Đèn mổ di động	Bộ	8	2	8	Tối đa 01 bộ/ Phòng tiểu phẫu; khoa hồi sức; khoa cấp cứu.	Đơn vị có 3 phòng tiểu phẫu, 01 khoa hồi sức, 01 khoa cấp cứu, 3 phòng tiểu phẫu tại 3 phòng khám đa khoa khu vực	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 03 năm tiếp theo	
19	Bàn mổ	Cái	4	3	4	Tối đa 01 cái/phòng mổ	đơn vị có 3 phòng mổ. Dự kiến trong 3 năm tới sẽ phát triển thêm 1 phòng mổ	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 03 năm tiếp theo	
20	Máy điện tim	Máy	9	4	3	01 máy/100 giường điều trị; 01 máy/200 bệnh nhân khám ngoại trú	hiện nay đơn vị có 245 giường điều trị, khám ngoại trú cho trên 200 bệnh nhân/ngày	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 03 năm tiếp theo	
21	Máy điện não	Máy	2	1	2	Các đơn vị có thực hiện kỹ thuật chuyên khoa về thăm dò chức năng/thần kinh/tâm thần: 01 - 03 máy.	đơn vị có thực hiện kỹ thuật chuyên khoa về thăm dò chức năng, thần kinh, tâm thần	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 03 năm tiếp theo	
22	Hệ thống khám nội soi								
22.1	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	1	1	1	Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/tháng/cơ sở: tối đa 01 hệ thống/cơ sở	Năm 2020 đơn vị thực hiện trung bình 33 ca/tháng	Báo cáo tổng kết năm 2020	
22.2	Hệ thống nội soi khí quản, phế quản	Hệ thống	1	0	1	Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/tháng/cơ sở: tối đa 01 hệ thống/cơ sở	Đơn vị có định hướng phát triển kỹ thuật trong 3 năm tiếp theo, dự kiến đạt 100 ca/tháng	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 03 năm tiếp theo	
22.3	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	5	2	4	Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 200 ca/tháng/cơ sở: tối đa 01 hệ thống/cơ sở; 01 hệ thống/bàn khám tai mũi họng	Đơn vị có định hướng phát triển kỹ thuật trong 3 năm tiếp theo, dự kiến đạt 100 ca/tháng		
22.4	Hệ thống nội soi tiết niệu	Hệ thống	1	0	1	Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/tháng/cơ sở: tối đa 01 hệ thống/cơ sở	Đơn vị có định hướng phát triển kỹ thuật trong 3 năm tiếp theo, dự kiến đạt 100 ca/tháng	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 03 năm tiếp theo	
23	Máy soi cổ tử cung	Máy	5	1	2	01 máy/bàn khám phụ khoa	đơn vị có 2 bàn khám phụ khoa	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 03 năm tiếp theo	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính	Định mức tối đa đơn vị đề nghị	Số lượng hiện có	Định mức tối đa STC đề nghị ban hành	Quy định định mức tối đa tại Thông tư số 08/2019/TT-BYT	Số liệu thực tế	Tài liệu chứng minh	Ghi chú
24	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy	14	1	14	01 máy/bàn đẻ 01 máy/giường theo dõi sản khoa	Đơn vị có 5 bàn đẻ, 9 giường theo dõi sản khoa,	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 03 năm tiếp theo	
VII	BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN BẮC MỀ								
1	Hệ thống X - quang								
1.1	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Cái	2	1	2	Nhu cầu trung bình từ 300-2600 ca chụp/tháng/cơ sở: tối đa 02 máy/cơ sở	6 tháng đầu năm 2021 đơn vị thực hiện trung bình trên 800 ca chụp/tháng	Báo cáo kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2021	
1.2	Máy X quang di động	Máy	1	0	1	Tối đa 01 máy/đơn vị hồi sức tích cực, cấp cứu, hồi sức sau phẫu thuật	Đơn vị có khoa cấp cứu, hồi sức tích cực		
2	Hệ thống CT - Scanner < 64 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	1	0	1	Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/tháng/cơ sở: tối đa 01 hệ thống/cơ sở	Theo đề án phát triển bệnh viện sẽ phát triển kỹ thuật chụp CT, dự kiến khi triển khai sẽ thực hiện trung bình dưới 300 ca chụp/tháng	Đề án phát triển tổng thể giai đoạn 2021-2026	
3	Siêu âm								
3.1	Máy siêu âm chuyên tim mạch	Máy	1	0	1	Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 300 ca/tháng/ cơ sở: tối đa 01 máy/ đơn vị	Theo đề án phát triển bệnh viện sẽ triển khai thực hiện kỹ thuật năm 2022	Đề án phát triển tổng thể giai đoạn 2021-2026	
3.2	Máy siêu âm tổng quát	Máy	6	3	6	Nhu cầu sử dụng trung bình 600-1600 ca/tháng/cơ sở: tối đa 02 hệ thống/đơn vị Tối đa 01 máy/đơn vị hồi sức, cấp cứu, hồi sức sau phẫu thuật, can thiệp và các đơn vị có sử dụng kỹ thuật siêu âm hỗ trợ	Hiện nay đơn vị thực hiện 630 ca/tháng. Có các khoa: hồi sức cấp cứu, khoa ngoại - sản, khoa nhi, khoa nội truyền nhiễm, khoa y học cổ truyền, khoa xét nghiệm - chẩn đoán hình ảnh	Bảng kê khai nhân lực và cơ sở vật chất, báo cáo kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2021	
4	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	1	3	Hệ thống có tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/giờ	Nhu cầu dưới 1200 test/ngày/cơ sở: tổng cộng suất thiết bị tối đa 1200 test/ giờ	Công suất tại đơn vị hiện nay đang sử dụng dưới 1200 test/giờ		
5	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Hệ thống	1	1	Hệ thống có tổng công suất tương đương 100 test/giờ	Dưới 100 test/ngày/cơ sở: máy móc thiết bị có tổng công suất tương đương 100 test/giờ	Đơn vị thực hiện dưới 100 test/ngày		
7	Máy thở	Máy	5	6	10	Tối đa 01 máy/giường hồi sức sau phẫu thuật, hồi sức tích cực, cấp cứu	Đơn vị có 10 giường hồi sức cấp cứu		Đề xuất mức tối đa theo giường hồi sức cấp cứu của đơn vị
8	Máy gây mê	Máy	2	1	2	01 máy/bàn mổ	Đơn vị có 2 bàn mổ		
9	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	12	3	12	01 máy /bàn mổ, 01 máy/giường hồi tỉnh, hồi sức, cấp cứu, 01 máy/giường chăm sóc bệnh nhân nặng	Đơn vị có 2 bàn mổ, 10 giường hồi sức cấp cứu		

STT	Chủng loại	Đơn vị tính	Định mức tối đa đơn vị đề nghị	Số lượng hiện có	Định mức tối đa STC đề nghị ban hành	Quy định định mức tối đa tại Thông tư số 08/2019/TT-BYT	Số liệu thực tế	Tài liệu chứng minh	Ghi chú
10	Bơm tiêm điện	Bơm	35	4	35	Tối thiểu 01 cái/bàn mổ Tối thiểu 01 cái/giường hồi tỉnh tối đa 05 cái/giường chăm sóc bệnh nhân nặng Tối đa 2 cái /giường điều trị bệnh nhân ngoại trú chuyên khoa nhi, ung bướu	Hiện tại đơn vị có 2 bàn mổ, 10 giường hồi sức cấp cứu		
11	Máy truyền dịch	Máy	30	4	35	Tương đương số lượng bơm tiêm điện	Hiện tại đơn vị có 2 bàn mổ, 10 giường hồi sức cấp cứu		
12	Dao mổ cao tần	Cái	2	2	2	Tối đa 1 cái/ bàn mổ	đơn vị có 2 bàn mổ		
13	Máy phá rung tim	Máy	2	1	2	Tối thiểu 1 máy/phòng mổ, hồi sức, cấp cứu, khoa tim mạch, chống độc	Bệnh viện có 2 phòng mổ		
14	Hệ thống phẫu thuật nội soi	Hệ thống	1	0	1	01 hệ thống/ Bàn mổ có mổ nội soi.	Theo đề án phát triển của bệnh viện sẽ triển khai 01 bàn phẫu thuật nội soi năm 2022		
15	Đèn mổ treo trần	Bộ	2	2	2	01 bộ/bàn mổ	đơn vị có 2 bàn mổ		
16	Đèn mổ di động	Bộ	5	0	2	Tối đa 01 bộ/ Phòng tiểu phẫu; khoa hồi sức; khoa cấp cứu.	đơn vị có 1 phòng tiểu phẫu, khoa hồi sức cấp cứu,		
17	Bàn mổ	Cái	2	2	2	Tối thiểu 1 cái/phòng mổ	đơn vị có 2 phòng mổ		
18	Máy điện tim	Máy	2	2	1	01 máy/100 giường điều trị; 01 máy/200 bệnh nhân khám ngoại trú	đơn vị có số lượt khám ngoại trú trên 200 ca bệnh		
19	Máy điện não	Máy	1	0	1	Các đơn vị có thực hiện kỹ thuật chuyên khoa về thăm dò chức năng/thần kinh/tâm thần: 01 - 03 máy.	Bệnh viện có tiếp nhận và điều trị các bệnh về thần kinh, tâm thần	Đề án phát triển tổng thể giai đoạn 2021-2026	
20	Hệ thống khám nội soi								
20.1	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	1	0	1	Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/tháng/cơ sở: tối đa 01 hệ thống /cơ sở	Dự kiến đơn vị triển khai thực hiện kỹ thuật năm 2023	Đề án phát triển tổng thể giai đoạn 2021-2026	
20.2	Hệ thống nội soi khí quản, phế quản	Hệ thống	1	0		Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/tháng/cơ sở: tối đa 01 hệ thống /cơ sở	Dự kiến đơn vị triển khai thực hiện kỹ thuật năm 2023	Đề án phát triển tổng thể giai đoạn 2021-2026	
20.3	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	1	1	1	Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 300 ca/tháng/ cơ sở: tối đa 01 hệ thống/ cơ sở	Đơn vị đang triển khai từ tháng 5/2021 đến nay		
20.4	Hệ thống nội soi tiết niệu	Hệ thống	1	0	0	Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/tháng/cơ sở: tối đa 01 hệ thống /cơ sở	Dự kiến đơn vị triển khai thực hiện kỹ thuật năm 2025		Đơn vị dự kiến đến 2025 mới thực hiện nên chưa có cơ sở tổng hợp
21	Máy soi cổ tử cung	Máy	1	0	1	01 máy/bàn khám phụ khoa	đơn vị có 1 phòng đẻ có bàn khám phụ khoa		
22	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy	2	1	1	01 máy/bàn đẻ 01 máy/giường theo dõi sản khoa	đơn vị có 2 bàn đẻ		
VIII BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN QUANG BÌNH									
1	Hệ thống X - quang								

STT	Chủng loại	Đơn vị tính	Định mức tối đa đơn vị đề nghị	Số lượng hiện có	Định mức tối đa STC đề nghị ban hành	Quy định định mức tối đa tại Thông tư số 08/2019/TT-BYT	Số liệu thực tế	Tài liệu chứng minh	Ghi chú
1.1	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Cái	3	3	3	Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/tháng/cơ sở; tối đa 01 máy/cơ sở; nhu cầu trung bình từ 300-200 ca chụp/tháng/cơ sở; tối đa 02 máy/cơ sở	Năm 2020, tại bệnh viện đa khoa huyện thực hiện trung bình 1611 ca chụp/tháng; phòng khám Xuân Giang thực hiện 112 ca chụp/tháng	Báo cáo tổng kết năm 2020	
1.2	Máy X quang di động	Máy	1	0	1	Tối đa 01 máy /đơn vị hồi sức tích cực, cấp cứu, hồi sức sau phẫu thuật	Đơn vị có 01 khoa cấp cứu		
1.3	Máy X quang C Arm	Máy	1	0	0	Tối đa 01 máy/4 phòng mổ			Số phòng (02 phòng) mổ hiện nay của đơn vị không đủ điều kiện để xây dựng định mức
2	Hệ thống CT - Scanner								
2.1	Hệ thống CT - Scanner < 64 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	1	1	1	Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/ tháng/cơ sở; tối đa 01 hệ thống /cơ sở	năm 2020, đơn vị thực hiện trung bình 100 ca chụp/tháng	Báo cáo tổng kết năm 2020	
2.2	Hệ thống CT - Scanner 64 - 128 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	1	0	1	Nhu cầu sử dụng trung bình ≤ 400 ca chụp/tháng/cơ sở; tối đa 01 hệ thống /cơ sở	Dự kiến trong 03 năm tiếp theo đơn vị thực hiện triển khai kỹ thuật, dự kiến đạt được dưới 400 ca chụp/tháng để đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của bệnh viện hàng II	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 3 năm tiếp theo.	
2.3	Hệ thống CT - Scanner ≥ 256 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	1	0	1	Nhu cầu sử dụng trung bình ≤ 400 ca chụp/tháng/cơ sở; tối đa 01 hệ thống /cơ sở	Dự kiến trong 03 năm tiếp theo đơn vị thực hiện triển khai kỹ thuật, dự kiến đạt được dưới 400 ca chụp/tháng để đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của bệnh viện hàng II	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 3 năm tiếp theo.	1
3	Hệ thống chụp cộng hưởng từ ≥ 1.5 Tesla	Hệ thống	1	0	1	Nhu cầu sử dụng trung bình ≤ 400 ca chụp/tháng/cơ sở; tối đa 01 hệ thống /cơ sở	Dự kiến trong 03 năm tiếp theo đơn vị thực hiện triển khai kỹ thuật, dự kiến đạt được dưới 400 ca chụp/tháng để đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của bệnh viện hàng II	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 3 năm tiếp theo.	1

STT	Chủng loại	Đơn vị tính	Định mức tối đa đơn vị đề nghị	Số lượng hiện có	Định mức tối đa STC đề nghị ban hành	Quy định định mức tối đa tại Thông tư số 08/2019/TT-BYT	Số liệu thực tế	Tài liệu chứng minh	Ghi chú
4	Hệ thống chụp mạch số hóa xóa nền (DSA)	Hệ thống	1	0	0				Hiện nay bệnh viện đa khoa tỉnh được trang bị 01 hệ thống, trung bình 38 ca/tháng. Do vậy đề nghị định mức hệ thống của đơn vị chưa có căn cứ để xây dựng, sau khi có nhân sự về kỹ thuật sẽ bổ sung định mức sau
5	Siêu âm								
5.1	Máy siêu âm chuyên tim mạch	Máy	1	0	1	Nhu cầu sử dụng trung bình ≤ 300 ca chụp/tháng/cơ sở; tối đa 01 máy /cơ sở	Dự kiến đơn vị triển khai thành lập 01 phòng chuyên siêu âm tim mạch để đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của bệnh viện hàng II	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 3 năm tiếp theo.	
5.2	Máy siêu âm tổng quát	Máy	5	5	5	Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 600 -1600 ca chụp/tháng/cơ sở; tối đa 02 máy /cơ sở; Tối đa 01 máy /đơn vị hồi sức; cấp cứu; hồi sức sau phẫu thuật, can thiệp và các đơn vị có sử dụng kỹ thuật siêu âm hỗ trợ	Năm 2020, đơn vị thực hiện siêu âm trung bình 1371 ca; bệnh viện sử dụng 01 chiếc khoa sản hỗ trợ siêu âm kỹ thuật sản; 01 chiếc tại khoa hồi sức cấp cứu, hồi sức chống độc, 01 cái hồi sức sau phẫu thuật	Báo cáo tổng kết năm 2020	
6	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	4	2	Hệ thống có tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/giờ	Nhu cầu dưới 1200 test/ngày/cơ sở; tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/giờ	Năm 2020 đơn vị thực hiện trung bình 150.055 lượt, trung bình 568 lượt test/ngày tại 02 cơ sở	Báo cáo tổng kết năm 2020	
7	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Hệ thống	3	3	Hệ thống có tổng công suất tương đương 300 test/giờ	100-300 test/ngày/ cơ sở; máy móc, thiết bị có tổng công suất tương đương 300 test/giờ	Đơn vị thực hiện trung bình 210 test/ngày	Báo cáo tổng kết năm 2020	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính	Định mức tối đa đơn vị đề nghị	Số lượng hiện có	Định mức tối đa STC đề nghị ban hành	Quy định định mức tối đa tại Thông tư số 08/2019/TT-BYT	Số liệu thực tế	Tài liệu chứng minh	Ghi chú
8	Máy thận nhân tạo	Máy	1	0	0	Số lượng máy đáp ứng nhu cầu sử dụng tối thiểu 02 ca/ngày/máy.			Không có cơ sở tổng hợp
9	Máy thở	Máy	23	2	23	Tối đa 01 máy/giường hồi sức sau phẫu thuật; hồi sức tích cực; cấp cứu. Tiêu chuẩn dự phòng 01 máy/ 06 máy	Đơn vị có 08 giường cấp cứu; 12 giường hồi sức; 02 giường hồi tỉnh	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 3 năm tiếp theo.	
10	Máy gây mê	Máy	3	2	3	01 máy/ bàn mổ	Hiện tại đơn vị có 02 bàn mổ., dự kiến năm 2022 đơn vị triển khai bổ sung thêm 01 bàn mổ	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 3 năm tiếp theo.	
11	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	39	11	36	01 máy/bàn mổ; 01 máy /giường hồi tỉnh; hồi sức; cấp cứu; 01 máy /giường chăm sóc bệnh nhân nặng	Đơn vị hiện có 2 bàn mổ; 08 giường cấp cứu, 12 giường hồi sức; 02 giường hồi tỉnh; 12 giường chăm sóc bệnh nhân nặng;	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 3 năm tiếp theo.	
12	Bơm tiêm điện	Bơm	92	12	92	Tối thiểu 01 cái/bàn mổ ; tối thiểu 01 cái/giường hồi tỉnh ; tối đa 05 cái/ giường hồi sức, cấp cứu; 01 cái / giường chăm sóc bệnh nhân nặng	Đơn vị hiện có 2 bàn mổ; 08 giường cấp cứu, 12 giường hồi sức; 02 giường hồi tỉnh; 12 giường chăm sóc bệnh nhân nặng;	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 3 năm tiếp theo.	
13	Máy truyền dịch	Máy	92	6	92	Tương đương số lượng bơm tiêm điện			
14	Dao mổ								
14.1	Dao mổ điện cao tần	Cái	4	2	3	Tối đa 01 cái/ bàn mổ. Dự phòng 01 cái/ 06 dao mổ điện.	Hiện tại đơn vị có 02 bàn mổ., dự kiến năm 2022 đơn vị triển khai bổ sung thêm 01 bàn mổ	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 3 năm tiếp theo.	
14.2	Dao mổ siêu âm/Dao hàn mạch/Dao hàn mô	Cái	3	0	2	Tối đa 01 cái/phòng mổ	Hiện tại đơn vị có 02 phòng mổ.	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 3 năm tiếp theo.	
15	Máy phá rung tim	Máy	4	1	3	Tối thiểu 01 máy/ Phòng mổ; Hồi sức; cấp cứu; Khoa tim mạch; Chống độc.	Hiện tại đơn vị có 01 chiếc tại khoa cấp cứu, 02 phòng mổ		
16	Hệ thống phẫu thuật nội soi	Hệ thống	3	0	2	01 hệ thống/ Bàn mổ có mổ nội soi.	Hiện tại đơn vị có 02 bàn mổ	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 3 năm tiếp theo.	
17	Đèn mổ treo trần	Bộ	4	2	3	01 bộ/bàn mổ	Hiện tại đơn vị có 02 bàn mổ., dự kiến năm 2022 đơn vị triển khai bổ sung thêm 01 bàn mổ	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 3 năm tiếp theo.	
18	Đèn mổ di động	Bộ	4	2	3	Tối đa 01 bộ/ Phòng tiểu phẫu; khoa hồi sức; khoa cấp cứu.	Hiện tại đơn vị có 02 bàn mổ., dự kiến năm 2022 đơn vị triển khai bổ sung thêm 01 bàn mổ	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 3 năm tiếp theo.	
19	Bàn mổ	Cái	4	2	4	Tối thiểu 01 cái/phòng mổ	Hiện tại đơn vị có 02 phòng mổ., dự kiến năm 2022 đơn vị triển khai bổ sung thêm 01 phòng mổ	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 3 năm tiếp theo.	
20	Máy điện tim	Máy	7	5	3	01 máy/100 giường điều trị 01 máy/200 bệnh nhân khám ngoại trú	Hiện tại đơn vị có 264 giường điều trị nội trú, bệnh nhân đến khám ngoại trú 150-200 bệnh nhân/ngày	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 3 năm tiếp theo.	
21	Máy điện não	Máy	1	1	1	Các đơn vị có thực hiện kỹ thuật chuyên khoa về thăm dò chức năng/thần kinh/tâm thần: 01 - 03 máy.	Bệnh viện có thực hiện kỹ thuật chuyên khoa về thăm dò chức năng/thần kinh/tâm thần trung bình 15 ca/tháng	Báo cáo tổng kết năm 2020	
22	Hệ thống khám nội soi								

STT	Chủng loại	Đơn vị tính	Định mức tối đa đơn vị đề nghị	Số lượng hiện có	Định mức tối đa STC đề nghị ban hành	Quy định định mức tối đa tại Thông tư số 08/2019/TT-BYT	Số liệu thực tế	Tài liệu chứng minh	Ghi chú
22.1	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	1	1	1	Nhu cầu trung bình dưới 100 ca/tháng/ cơ sở: tối đa 01 hệ thống/cơ sở Nhu cầu sử dụng trung bình 100-400 ca/tháng/cơ sở: tối đa 02 hệ thống /cơ sở	Hiện nay đơn vị thực hiện trung bình 120 ca/tháng	Báo cáo tổng kết năm 2020	
22.2	Hệ thống nội soi khí quản, phế quản	Hệ thống	1	1	1	Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/tháng/cơ sở: tối đa 01 hệ thống/cơ sở	Hiện nay đơn vị thực hiện trung bình 09 ca/tháng	Báo cáo tổng kết năm 2020	
22.3	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	3	2	3	Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 200 ca/tháng/cơ sở: tối đa 01 hệ thống /cơ sở Nhu cầu sử dụng trung bình 200-1800 ca/tháng/cơ sở: tối đa 02 hệ thống /cơ sở	Hiện nay phòng khám đa khoa khu vực Xuân Giang thực hiện trung bình 15 ca/tháng; bệnh viện thực hiện trung bình 374 ca/tháng	Báo cáo tổng kết năm 2020	
22.4	Hệ thống nội soi tiết niệu	Hệ thống	1	0	1	Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/tháng/cơ sở: tối đa 01 hệ thống/cơ sở	Dự kiến trong 03 năm tiếp theo, đơn vị sẽ thực hiện triển khai kỹ thuật tán sỏi lazer nên cần trang bị hệ thống nội soi phục vụ hoạt động	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 3 năm tiếp theo.	
23	Máy soi cổ tử cung	Máy	3	1	3	01 máy/bàn khám phụ khoa	Đơn vị có 2 bàn khám phụ khoa trung bình thực hiện 40 ca/tháng; dự kiến trong 03 năm tới đơn vị sẽ triển khai thêm phòng khám phụ khoa cho phòng khám đa khoa khu vực Xuân Giang	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 3 năm tiếp theo.	
24	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy	5	0	5	01 máy/bàn đẻ 01 máy/giường theo dõi sản khoa	Hiện tại 2 bàn đẻ và 04 giường theo dõi sản khoa trung bình 45 ca/tháng	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 3 năm tiếp theo.	
IX	BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN MÈO VẠC								
1	Hệ thống X - quang								
1.1	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Cái	2	2	2	Nhu cầu trung bình từ 300 - 2600 ca chụp/tháng/cơ sở: tối đa 02 máy /cơ sở	Báo cáo kết quả hoạt động 06 tháng đầu năm 2021 đơn vị thực hiện 4777 ca chụp, trung bình 796 ca chụp/tháng	Báo cáo kết quả thực hiện số 66/BC-BV ngày 23/6/2021	
1.2	Máy X quang di động	Máy	1	0	1	Tối đa 01 máy /đơn vị hồi sức tích cực, cấp cứu, hồi sức sau phẫu thuật	đơn vị có khoa hồi sức cấp cứu		
2	Hệ thống CT Scanner < 64 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	1	0	1	Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/tháng/cơ sở: tối đa 01 hệ thống/cơ sở	Hiện nay bệnh viện đã có 01 bác sĩ chuyên khoa I chuyên ngành chuẩn đoán hình ảnh để làm chủ được kỹ thuật, dự kiến trong 03 năm tới sẽ thực hiện các kỹ thuật chuyên sâu, chuẩn đoán hình ảnh và chẩn đoán phân biệt các bệnh ngoại khoa cần can thiệp phẫu thuật	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 3 năm tiếp theo.	
3	Siêu âm								
3.1	Máy siêu âm chuyên tim mạch	Máy	1	0	1	Nhu cầu sử dụng trung bình ≤ 300 ca chụp/tháng/cơ sở: tối đa 01 máy /cơ sở	Hiện nay bệnh viện đã có 01 bác sĩ chuyên khoa I chuyên ngành chuẩn đoán hình ảnh để làm chủ được kỹ thuật, dự kiến trong 03 năm tới sẽ thực hiện các kỹ thuật chuyên sâu, chuẩn đoán hình ảnh và chẩn đoán phân biệt các bệnh ngoại khoa cần can thiệp phẫu thuật	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 3 năm tiếp theo.	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính	Định mức tối đa đơn vị đề nghị	Số lượng hiện có	Định mức tối đa STC đề nghị ban hành	Quy định định mức tối đa tại Thông tư số 08/2019/TT-BYT	Số liệu thực tế	Tài liệu chứng minh	Ghi chú
3.2	Máy siêu âm tổng quát	Máy	4	3	4	Nhu cầu sử dụng trung bình 600 -1600 ca/tháng/cơ sở; tối đa 02 hệ thống/đơn vị Tối đa 01 máy/đơn vị hồi sức; cấp cứu; hồi sức sau phẫu thuật, can thiệp và các đơn vị có sử dụng kỹ thuật siêu âm hỗ trợ	Báo cáo kết quả hoạt động 06 tháng đầu năm 2021 đơn vị thực hiện 5472 lượt xét nghiệm. Trung bình 912 lượt/tháng. Đơn vị có khoa hồi sức cấp cứu, 02 phòng khám đa khoa khu vực Niêm Sơn, Xỉn Cái có sử dụng kỹ thuật siêu âm hỗ trợ	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 3 năm tiếp theo.	
4	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	3	2	Hệ thống có tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/giờ	Nhu cầu dưới 1200 test/ngày/cơ sở; tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/giờ	6 tháng đầu năm thực hiện trung bình 99 test/ngày	Báo cáo kết quả thực hiện số 66/BC-BV ngày 23/6/2021	
4	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Hệ thống	2	1	Hệ thống có tổng công suất tương đương 100 test/giờ	Dưới 100 test/ngày/cơ sở; máy móc thiết bị có tổng công suất tương đương 100 test/giờ	6 tháng đầu năm thực hiện trung bình 99 test/ngày	Báo cáo kết quả thực hiện số 66/BC-BV ngày 23/6/2021	
5	Máy thận nhân tạo	Máy	1	0	0				Không có cơ sở tổng hợp
6	Máy thở	Máy	12	3	12	tối đa 01 máy/giường hồi sức sau phẫu thuật; hồi sức tích cực; cấp cứu; tiêu chuẩn dự phòng 1 máy/6 máy	đơn vị có 23 giường thực kê hồi sức cấp cứu	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 3 năm tiếp theo.	
7	Máy gây mê	Máy	3	2	2	01 máy/bàn mổ	đơn vị có 2 bàn mổ	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 3 năm tiếp theo.	
8	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	15	2	15	01 máy/bàn mổ; 01 máy /giường hồi tỉnh; hồi sức; cấp cứu; 01 máy /giường chăm sóc bệnh nhân nặng	đơn vị có 2 bàn mổ, 23 giường thực kê hồi sức cấp cứu	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 3 năm tiếp theo.	
9	Bơm tiêm điện	Bơm	60	2	60	Tối thiểu 01 cái/bàn mổ; tối thiểu 01 cái/giường hồi tỉnh; tối đa 05 cái/giường hồi sức, cấp cứu; 01 cái/giường chăm sóc bệnh nhân nặng	đơn vị có 2 bàn mổ, 23 giường thực kê hồi sức cấp cứu	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 3 năm tiếp theo.	
10	Máy truyền dịch	Máy	60	2	60	Tương đương số lượng bơm tiêm điện			
11	Dao mổ								
11.1	Dao mổ điện cao tần	Cái	2	2	2	Tối đa 01 cái/bàn mổ	đơn vị có 2 bàn mổ	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 3 năm tiếp theo.	
11.2	Dao mổ siêu âm/Dao hàn mạch/Dao hàn mô	Cái	2	0	2	Tối đa 01 cái/phòng mổ	Đơn vị có 2 phòng mổ	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 3 năm tiếp theo.	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính	Định mức tối đa đơn vị đề nghị	Số lượng hiện có	Định mức tối đa STC đề nghị ban hành	Quy định định mức tối đa tại Thông tư số 08/2019/TT-BYT	Số liệu thực tế	Tài liệu chứng minh	Ghi chú
12	Máy phá rung tim	Máy	4	1	3	Tối thiểu 01 cái/phòng mổ; hồi sức; cấp cứu; khoa tim mạch; chống độc	đơn vị có 2 phòng mổ, khoa hồi sức cấp cứu	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 3 năm tiếp theo.	
13	Hệ thống phẫu thuật nội soi	Hệ thống	1	1	1	01 hệ thống/ Bàn mổ có mổ nội soi.	đơn vị có 1 bàn mổ thực hiện mổ nội soi		
14	Đèn mổ treo trần	Bộ	3	2	2	01 bộ/bàn mổ	đơn vị có 2 bàn mổ		
15	Đèn mổ di động	Bộ	2	1	2	Tối đa 01 bộ/phòng tiểu phẫu; khoa hồi sức, cấp cứu	đơn vị có 1 phòng tiểu phẫu, khoa hồi sức cấp cứu,		
16	Bàn mổ	Cái	3	2	3	Tối thiểu 01 cái/phòng mổ	Đơn vị có 2 phòng mổ		
17	Máy điện tim	Máy	1	1	1	01 máy/100 giường điều trị	nhiệm vụ giao đơn vị năm 2021 triển khai 180 giường bệnh điều trị		
18	Máy điện não	Máy	1	0	1	Các đơn vị có thực hiện kỹ thuật chuyên khoa về thăm dò chức năng/thần kinh/tâm thần: 01 - 03 máy.	đơn vị có thực hiện kỹ thuật chuyên khoa về thăm dò chức năng, thần kinh, tâm thần		
19	Hệ thống khám nội soi								
19.1	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	1	1	1	Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/tháng/cơ sở: tối đa 01 hệ thống/cơ sở	đơn vị thực hiện dưới 100 ca/tháng		
19.2	Hệ thống nội soi khí quản, phế quản	Hệ thống	1	0	1				
19.3	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	2	1	1	Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 200 ca/tháng/cơ sở: tối đa 01 hệ thống / cơ sở			
19.4	Hệ thống nội soi tiết niệu	Hệ thống	1	0	1	Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/tháng/cơ sở: tối đa 01 hệ thống/cơ sở	dự kiến trong 3 năm tiếp theo đơn vị sẽ triển khai các phẫu thuật tiết niệu, tán sỏi nội soi ngược dòng	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 3 năm tiếp theo.	
20	Máy soi cổ tử cung	Máy	2	1	1	01 máy/bàn khám phụ khoa	đơn vị có 1 bàn khám phụ khoa		
21	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy	4	3	4	01 máy/bàn đẻ 01 máy/giường theo dõi sản khoa	đơn vị có 2 bàn đẻ, 2 giường theo dõi sản khoa	Phụ lục IV: Thuyết minh nhu cầu sử dụng trong 3 năm tiếp theo.	
X	BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC BẮC QUANG								
1	Hệ thống X - quang								
1.1	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Cái	5	4	5	Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/tháng/cơ sở: tối đa 01 máy/cơ sở; nhu cầu trung bình từ 300-200 ca chụp/tháng/cơ sở: tối đa 02 máy/cơ sở	Hiện nay đơn vị thực hiện 2753 ca/tháng tại cơ sở chính và 02 cơ sở gồm phòng khám Đồng Yên và phòng khám Liên Hiệp. Tại bệnh viện hiện nay đang có 02 máy, phòng khám Đồng Yên 1 máy, phòng khám Liên Hiệp 1 máy (trung bình thực hiện 688 ca/máy/tháng)	Báo cáo tổng kết công tác y tế năm 2020	
1.2	Máy X quang di động	Máy	3	1	3	Tối đa 01 máy/đơn vị hồi sức tích cực; cấp cứu; hồi sức sau phẫu thuật Khoa chẩn đoán hình ảnh: tối đa 01 máy/200 giường nội trú	Hiện nay đơn vị có 01 khoa hồi sức tích cực, 01 khoa cấp cứu, 01 khoa chẩn đoán hình ảnh. Tổng số giường nội trú thực kê là 315 giường	Báo cáo tổng kết công tác y tế năm 2020	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính	Định mức tối đa đơn vị đề nghị	Số lượng hiện có	Định mức tối đa STC đề nghị ban hành	Quy định định mức tối đa tại Thông tư số 08/2019/TT-BYT	Số liệu thực tế	Tài liệu chứng minh	Ghi chú
1.3	Máy X quang C Arm	Máy	1	0	1	Tối đa 01 máy/ 4 phòng mổ. Cơ sở có triển khai kỹ thuật chụp mật tụy ngược dòng (ERCP) hoặc can thiệp được bổ sung tối đa 01 máy/đơn vị	Hiện nay đơn vị có 04 phòng mổ	Báo cáo kê khai cơ sở vật chất, nhân lực	
2	Hệ thống CT - Scanner								
2.1	Hệ thống CT - Scanner < 64 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	4	1	4	Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/tháng/cơ sở: tối đa 01 hệ thống/cơ sở Nhu cầu 300-1300 ca chụp/tháng/cơ sở: tối đa 02 hệ thống/ cơ sở Công suất sử dụng trung bình trên 650 ca chụp/tháng/hệ thống được bổ sung thêm hệ thống tiếp theo	Đơn vị thực hiện 346 ca/tháng. Hiện nay đơn vị có 02 phòng khám: Đồng Yên và Liên Hiệp có thể nhân lực thực hiện kỹ thuật trên khi cần thiết, nên dự kiến 03 năm tiếp theo cần bổ sung 01 máy/phòng khám.	Báo cáo tổng kết công tác y tế năm 2020	
2.2	Hệ thống CT - Scanner 64 - 128 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	1	0	1	Nhu cầu sử dụng trung bình ≤ 400 ca chụp/tháng/cơ sở: tối đa 01 hệ thống /cơ sở	Dự kiến đơn vị sẽ phát triển thêm về quy mô, đồng thời các bệnh nhân cần sự can thiệp sâu về kỹ thuật Chụp CT-Scanner, đề nghị định mức 01 hệ thống, dự kiến sẽ thực hiện dưới 400 ca/chụp/ tháng sau khi được trang bị		
2.3	Hệ thống CT - Scanner ≥ 256 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	1	0	1	Nhu cầu sử dụng trung bình ≤ 400 ca chụp/tháng/cơ sở: tối đa 01 hệ thống /cơ sở	Dự kiến đơn vị sẽ phát triển thêm về quy mô, đồng thời các bệnh nhân cần sự can thiệp sâu về kỹ thuật Chụp CT-Scanner, đề nghị định mức 01 hệ thống, dự kiến sẽ thực hiện dưới 400 ca/chụp/ tháng sau khi được trang bị		
3	Hệ thống chụp cộng hưởng từ ≥ 1.5 Tesla	Hệ thống	1	0	1	Nhu cầu sử dụng trung bình ≤ 400 ca chụp/tháng/cơ sở: tối đa 01 hệ thống /cơ sở	Dự kiến đơn vị sẽ phát triển thêm về quy mô, đồng thời các bệnh nhân cần sự can thiệp sâu về kỹ thuật Chụp CT-Scanner, đề nghị định mức 01 hệ thống, dự kiến sẽ thực hiện dưới 400 ca/chụp/ tháng sau khi được trang bị		

STT	Chủng loại	Đơn vị tính	Định mức tối đa đơn vị đề nghị	Số lượng hiện có	Định mức tối đa STC đề nghị ban hành	Quy định định mức tối đa tại Thông tư số 08/2019/TT-BYT	Số liệu thực tế	Tài liệu chứng minh	Ghi chú
4	Hệ thống chụp mạch số hóa xóa nền (DSA)	Hệ thống	1	0	0				Hiện nay bệnh viện đa khoa tỉnh được trang bị 01 hệ thống, trung bình 38 ca/tháng. Do vậy đề nghị định mức hệ thống của đơn vị chưa có căn cứ để xây dựng, sau khi có nhân sự về kỹ thuật sẽ bổ sung định mức sau
5	Siêu âm								
5.1	Máy siêu âm chuyên tim mạch	Máy	4	1	2	Nhu cầu sử dụng trung bình ≤ 300 ca chụp/tháng/cơ sở; tối đa 01 máy /cơ sở Công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 300 ca/tháng/máy được bổ sung định mức máy tiếp theo	năm 2020 đơn vị thực hiện được trung bình 302 ca/tháng.	Báo cáo tổng kết công tác y tế năm 2020	Đơn vị đề xuất 02 máy cho phòng khám Đồng Yên, Liên Hiệp nhưng chưa có thuyết minh cụ thể, đề nghị định mức sẽ bổ sung sau
5.2	Máy siêu âm tổng quát	Máy	5	3	5	Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 600 -1600 ca chụp/tháng/cơ sở; tối đa 02 máy /cơ sở; Tối đa 01 máy /đơn vị hồi sức; cấp cứu; hồi sức sau phẫu thuật, can thiệp và các đơn vị có sử dụng kỹ thuật siêu âm hỗ trợ	Năm 2020 đơn vị thực hiện 2235ca/tháng và hiện nay đang có 01 khoa hồi sức tích cực, 01 khoa cấp cứu, 01 khoa chẩn đoán hình ảnh	Báo cáo tổng kết công tác y tế năm 2020	
6	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	4	3 hệ thống tổng công suất 2100 test/giờ/ngày	Hệ thống có tổng công suất thiết bị 2400 test/giờ	Nhu cầu dưới 1200 test/ngày/cơ sở; tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/giờ Nhu cầu trong khoảng 1200-2400 test/ngày/cơ sở; tổng công suất thiết bị bổ sung 1200 test/giờ	Năm 2020 Đơn vị thực hiện 1272 test/ngày	Báo cáo tổng kết công tác y tế năm 2020	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính	Định mức tối đa đơn vị đề nghị	Số lượng hiện có	Định mức tối đa STC đề nghị ban hành	Quy định định mức tối đa tại Thông tư số 08/2019/TT-BYT	Số liệu thực tế	Tài liệu chứng minh	Ghi chú
7	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Hệ thống	1	1	Hệ hồng máy móc, thiết bị có tổng công suất tương đương 300 test/giờ	100-300 test/ngày/ cơ sở: máy móc, thiết bị có tổng công suất tương đương 300 test/giờ	Năm 2020 đơn vị thực hiện 1012 test/tháng, 34 test/ngày	Báo cáo tổng kết công tác y tế năm 2020	
8	Máy thận nhân tạo	Máy	15	7	15	Số lượng máy đáp ứng nhu cầu sử dụng tối thiểu 02 ca/ngày/máy.	Năm 2021, đơn vị đã được thực hiện kỹ thuật chạy thận nhân tạo, dự kiến sẽ có khoảng 60 bệnh nhân sử dụng kỹ thuật tại bệnh viện trong 3 năm tới		
9	Máy thở	Máy	29	15	29	Tối đa 01 máy/giường hồi sức sau phẫu thuật; hồi sức tích cực; cấp cứu. Tiêu chuẩn dự phòng 01 máy/06 máy	Hiện tại đơn vị có 17 giường hồi sức tích cực, 8 giường cấp cứu	Báo cáo tổng kết công tác y tế năm 2020	
10	Máy gây mê	Máy	5	4	4	01 máy/bàn mổ	Hiện nay đơn vị có 04 phòng mổ	Báo cáo kê khai cơ sở vật chất, nhân lực	
11	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	75	25	75	01 máy/bàn mổ 01 máy/giường hồi tỉnh; hồi sức; cấp cứu 01 máy/giường chăm sóc bệnh nhân nặng	Hiện nay đơn vị có 04 phòng mổ; 17 giường hồi sức; 08 giường cấp cứu; 50 giường chăm sóc bệnh nhân nặng	Báo cáo kê khai cơ sở vật chất, nhân lực	
12	Bơm tiêm điện	Bơm	199	31	199	Tối thiểu 01 cái/bàn mổ tối thiểu 01 cái/giường hồi tỉnh Tối đa 05 cái/giường hồi sức; cấp cứu Tối đa 02 cái/giường điều trị bệnh nhân ngoại trú CK nhi, ung bướu	Hiện nay đơn vị có 04 phòng mổ; 17 giường hồi sức; 08 giường cấp cứu; 50 giường chăm sóc bệnh nhân nặng, 04 giường chuyên khoa ung bướu	Báo cáo kê khai cơ sở vật chất, nhân lực	
13	Máy truyền dịch	Máy	199	23	199	Tương đương số lượng bơm tiêm điện			
14	Dao mổ								
14.1	Dao mổ điện cao tần	Cái	5	3	4	Tối đa 01 máy/bàn mổ Dự phòng 01 cái/6 dao mổ điện	Bệnh viện hiện có 4 bàn mổ	Báo cáo kê khai cơ sở vật chất, nhân lực	
14.2	Dao mổ siêu âm/Dao hàn mạch/Dao hàn mô	Cái	4	0	4	Tối đa 01 cái/phòng mổ	Đơn vị có 04 phòng mổ	Báo cáo kê khai cơ sở vật chất, nhân lực	
15	Máy phá rung tim	Máy	7	1	7	Tối thiểu 01 máy/phòng mổ; Hồi sức; cấp cứu; khoa tim mạch; chống độc	DĐơn vị có 04 phòng mổ, 01 khoa hồi sức, 01 khoa cấp cứu, 01 khoa tim mạch	Báo cáo kê khai cơ sở vật chất, nhân lực	
16	Hệ thống phẫu thuật nội soi	Hệ thống	1	1	1	01 hệ thống/ Bàn mổ có mổ nội soi.	Hiện nay đơn vị có 01 bàn mổ nội soi		
17	Đèn mổ treo trần	Bộ	5	4	4	01 bộ/bàn mổ	Đơn vị có 04 bàn mổ		
18	Đèn mổ di động	Bộ	8	3	8	Tối đa 01 bộ/ Phòng tiểu phẫu; khoa hồi sức; khoa cấp cứu.	Đơn vị có 06 phòng tiểu phẫu, 01 khoa hồi sức tích cực, 01 khoa cấp cứu,		
19	Bàn mổ	Cái	5	4	4	Tối thiểu 01 cái/phòng mổ	Hiện nay đơn vị có 4 phòng mổ		

STT	Chủng loại	Đơn vị tính	Định mức tối đa đơn vị đề nghị	Số lượng hiện có	Định mức tối đa STC đề nghị ban hành	Quy định định mức tối đa tại Thông tư số 08/2019/TT-BYT	Số liệu thực tế	Tài liệu chứng minh	Ghi chú
20	Máy điện tim	Máy	6	3	4	01 máy/100 giường điều trị 01 máy/200 bệnh nhân khám ngoại trú	Đơn vị có 315 giường thực kê, hơn 200 bệnh nhân khám ngoại trú		02 phòng khám đơn vị đề nghị không có số liệu và định hướng đề đề nghị, bổ sung sau
21	Máy điện não	Máy	5	1	3	Các đơn vị có thực hiện kỹ thuật chuyên khoa về thăm dò chức năng/thần kinh/tâm thần: 01 - 03 máy.	Bệnh viện đang thực hiện kỹ thuật chuyên khoa về thăm dò chức năng/thần kinh/tâm thần		02 phòng khám đơn vị đề nghị không có số liệu và định hướng đề đề nghị, bổ sung sau
22	Hệ thống khám nội soi								
22.1	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	4	1	4	Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/tháng/cơ sở: tối đa 01 hệ thống/cơ sở Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 -400 ca /tháng/cơ sở: tối đa 02 hệ thống trên cơ sở	Bệnh viện đang thực hiện trung bình 137 ca/tháng. Đối với 02 phòng khám cần có thiết bị để chăm sóc cho người bệnh được thuận tiện do có nhân lực để triển khai thực hiện kỹ thuật nên đề nghị bổ sung cho 02 đơn vị để thực hiện		
22.2	Hệ thống nội soi khí quản, phế quản	Hệ thống	1	1	1	Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/tháng/cơ sở: tối đa 01 hệ thống /cơ sở	Đơn vị mới được bổ sung 01 hệ thống để thực hiện kỹ thuật này		
22.3	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	5	3	5	Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 200 ca/tháng/cơ sở: tối đa 01 hệ thống /cơ sở Nhu cầu sử dụng trung bình 200-1800 ca/tháng/cơ sở: tối đa 02 hệ thống /cơ sở 01 hệ thống/bàn khám tai mũi họng	Đơn vị thực hiện 587 ca/tháng, có 01 bàn khám tai mũi họng,		
22.4	Hệ thống nội soi tiết niệu	Hệ thống	1	1	1	Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/tháng/cơ sở: tối đa 1 hệ thống/cơ sở 01 hệ thống/máy tán sỏi laser	Hiện nay đơn vị có 01 hệ thống máy tán sỏi laser công suất 40w có nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/tháng		
23	Máy soi cổ tử cung	Máy	4	1	4	01 máy/bàn khám phụ khoa	Đơn vị có 04 bàn khám phụ khoa tại bệnh viện và 02 phòng khám		
24	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy	14	5	14	01 máy/bàn đẻ 01 máy/giường theo dõi sản khoa	Bệnh viện có 4 bàn đẻ, 6 giường theo dõi sản khoa, phòng khám Đồng Yên có 01 bàn đẻ, 01 giường theo dõi sản khoa, phòng khám Liên Hiệp có 01 bàn đẻ, 01 giường theo dõi sản khoa		
XI	BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC HOÀNG SU PHÌ								
1	Hệ thống X - quang								

STT	Chủng loại	Đơn vị tính	Định mức tối đa đơn vị đề nghị	Số lượng hiện có	Định mức tối đa STC đề nghị ban hành	Quy định định mức tối đa tại Thông tư số 08/2019/TT-BYT	Số liệu thực tế	Tài liệu chứng minh	Ghi chú
1.1	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Cái	3	1	3	Nhu cầu trung bình từ 300-2600 ca chụp/tháng/cơ sở: tối đa 02 máy/cơ sở công suất sử dụng thiết bị trung bình trên 1300 ca chụp/tháng/máy được bổ sung thêm máy tiếp theo	Năm 2020 đơn vị thực hiện trung bình 1214 ca/tháng	Báo cáo tổng kết năm 2020	
1.2	Máy X quang di động	Máy	1	1	1	Tối đa 01 máy/đơn vị hồi sức tích cực,; cấp cứu; hồi sức sau phẫu thuật	đơn vị đang thực hiện khám, chụp tại phòng khám Thông Nguyên cho phòng cấp cứu		
1.3	Máy X quang C Arm	Máy	1	0	0	Tối đa 01 máy/4 phòng mổ	đơn vị có 3 phòng mổ		Đơn vị không có định hướng phát triển thêm phòng mổ
2	Hệ thống CT - Scanner < 64 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	1	1	1	Nhu cầu dưới 300 ca chụp/tháng/cơ sở: tối đa 01 hệ thống/cơ sở	Trung bình tính từ tháng 2/2021 đến 30/6/2021 đơn vị thực hiện được 560 ca, trung bình 140 ca/tháng	Báo cáo sơ kết 6 tháng đầu năm 2021	
3	Siêu âm								
3.1	Máy siêu âm chuyên tim mạch	Máy	1	0	1	Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 300 ca/tháng/cơ sở: tối đa 01 máy/đơn vị	Theo đề án phát triển dịch vụ kỹ thuật mới của bệnh viện năm 2021-2023 là bệnh viện hạng 2. hiện nay đơn vị đang đào tạo bác sĩ để đảm bảo nhận lực thực hiện kỹ thuật siêu âm tim mạch	báo cáo tổng kết năm 2020	
3.2	Máy siêu âm tổng quát	Máy	6	6	6	Nhu cầu sử dụng trung bình 600-1600 ca/tháng/cơ sở: tối đa 02 hệ thống/đơn vị Tối đa 01 máy/đơn vị hồi sức, cấp cứu, hồi sức sau phẫu thuật, can thiệp và các đơn vị có sử dụng kỹ thuật siêu âm hỗ trợ	năm 2020 đơn vị thực hiện trung bình 744 ca/tháng, đơn vị có các khoa hồi sức, cấp cứu, hồi sức sau phẫu thuật, can thiệp và 03 phòng khám khu vực có sử dụng kỹ thuật siêu âm hỗ trợ	Báo cáo tổng kết năm 2020	
4	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	3	3	Hệ thống tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/giờ	Nhu cầu dưới 1200 test/ngày/cơ sở: tổng công suất thiết bị tối đa 1200 test/giờ	Năm 2020 đơn vị thực hiện trung bình 504 test/ngày	Báo cáo tổng kết năm 2020	
5	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Hệ thống	2	1	Hệ thống có tổng công suất tương đương 100 test/giờ	Dưới 100 test/ngày/cơ sở: máy móc thiết bị có tổng công suất tương đương 100 test/giờ	6 tháng đầu năm 2021 đơn vị thực hiện trung bình 5 test/ngày	Báo cáo tổng kết năm 2020	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính	Định mức tối đa đơn vị đề nghị	Số lượng hiện có	Định mức tối đa STC đề nghị ban hành	Quy định định mức tối đa tại Thông tư số 08/2019/TT-BYT	Số liệu thực tế	Tài liệu chứng minh	Ghi chú
6	Máy thận nhân tạo	Máy	2	0	0	Số lượng máy đáp ứng nhu cầu sử dụng tối thiểu 02 ca/ngày/máy.		Báo cáo tổng kết năm 2020	Đơn vị chưa có định hướng phát triển thực hiện kỹ thuật chạy thận nhân tạo
7	Máy thở	Máy	11	2	11	Tối đa 01 máy/giường hồi sức sau phẫu thuật, hồi sức tích cực, cấp cứu	đơn vị có 12 giường hồi sức cấp cứu	Báo cáo tổng kết năm 2020	
8	Máy gây mê	Máy	5	3	3	01 máy/bàn mổ	đơn vị có 3 bàn mổ	Báo cáo tổng kết năm 2020	
9	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	15	5	15	01 máy/bàn mổ; 01 máy /giường hồi tỉnh; hồi sức; cấp cứu; 01 máy /giường chăm sóc bệnh nhân nặng	đơn vị có 12 giường hồi sức cấp cứu; đơn vị có 3 bàn mổ	Báo cáo tổng kết năm 2020	
10	Bơm tiêm điện	Bơm	15	3	15	Tối thiểu 01 cái/bàn mổ; tối thiểu 01 cái/giường hồi tỉnh; tối đa 05 cái/giường hồi sức, cấp cứu; 01 cái/giường chăm sóc bệnh nhân nặng	đơn vị có 12 giường hồi sức cấp cứu	Báo cáo tổng kết năm 2020	
11	Máy truyền dịch	Máy	15	6	15	Tương đương số lượng bơm tiêm điện		Báo cáo tổng kết năm 2020	
12	Dao mổ							Báo cáo tổng kết năm 2020	
12.1	Dao mổ điện cao tần	Cái	3	1	3	Tối đa 01 cái/bàn mổ	đơn vị có 3 bàn mổ	Báo cáo tổng kết năm 2020	
12.2	Dao mổ siêu âm/Dao hàn mạch/Dao hàn mô	Cái	3	0	2	Tối đa 01 cái/phòng mổ	Đơn vị hiện có 2 phòng mổ	Báo cáo tổng kết năm 2020	
13	Máy phá rung tim	Máy	3	0	2	Tối thiểu 01 cái/phòng mổ	Đơn vị hiện có 2 phòng mổ	Báo cáo tổng kết năm 2020	
14	Máy tim phổi nhân tạo	Máy	3	0	0	01 máy/phòng mổ tim hở		Báo cáo tổng kết năm 2020	đơn vị chưa có định hướng phát triển, chưa có phòng mổ tim hở
15	Hệ thống phẫu thuật nội soi	Hệ thống	3	1	1	01 hệ thống/ Bàn mổ có mổ nội soi.	đơn vị có 1 bàn mổ thực hiện mổ nội soi	Báo cáo tổng kết năm 2020	
16	Đèn mổ treo trần	Bộ	4	1	3	01 bộ/bàn mổ	đơn vị có 3 bàn mổ	Báo cáo tổng kết năm 2020	
17	Đèn mổ di động	Bộ	5	0	2	Tối đa 01 bộ/ Phòng tiểu phẫu; khoa hồi sức; khoa cấp cứu.	đơn vị có 01 khoa cấp cứu, 01 phòng tiểu phẫu	Báo cáo tổng kết năm 2020	
18	Bàn mổ	Cái	5	3	5	tối thiểu 01 cái/phòng mổ	đơn vị có 02 phòng mổ	Báo cáo tổng kết năm 2020	
19	Máy điện tim	Máy	4	4	4	01 máy/100 giường điều trị, 01 máy/200 bệnh nhân khám ngoại trú	đơn vị có 295 giường thực kê, trong năm 2020 thực hiện khám ngoại trú hơn 4000 lượt bệnh nhân	Báo cáo tổng kết năm 2020	
20	Máy điện não	Máy	3	1	3	Các đơn vị có thực hiện kỹ thuật chuyên khoa về thăm dò chức năng/thần kinh/tâm thần: 01 - 03 máy.	đơn vị có thực hiện kỹ thuật chuyên khoa về thăm dò chức năng, thần kinh, tâm thần	Báo cáo tổng kết năm 2020	
21	Hệ thống khám nội soi								
21.1	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	1	1	1	Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/tháng/cơ sở: tối đa 1 hệ thống/cơ sở	Năm 2020 đơn vị thực hiện trung bình được 436 ca	Báo cáo tổng kết năm 2020	

STT	Chủng loại	Đơn vị tính	Định mức tối đa đơn vị đề nghị	Số lượng hiện có	Định mức tối đa STC đề nghị ban hành	Quy định định mức tối đa tại Thông tư số 08/2019/TT-BYT	Số liệu thực tế	Tài liệu chứng minh	Ghi chú
21.2	Hệ thống nội soi khí quản, phế quản	Hệ thống	1	0	1	Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/tháng/cơ sở: tối đa 1 hệ thống/cơ sở	Đơn vị dự kiến sẽ triển khai kỹ thuật vào năm 2022	Báo cáo tổng kết năm 2020	
21.3	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	4	1	2	Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 200 ca/tháng/cơ sở: tối đa 01 hệ thống/cơ sở; 01 hệ thống/bàn khám tai mũi họng	Năm 2020 đơn vị thực hiện được 1375 ca, trung bình 114 ca/tháng, đơn vị có 01 bàn khám tai mũi họng	Báo cáo tổng kết năm 2020	
21.4	Hệ thống nội soi tiết niệu	Hệ thống	1	0	1	Nhu cầu sử dụng trung bình dưới 100 ca/tháng/cơ sở: tối đa 1 hệ thống/cơ sở	Đơn vị dự kiến sẽ triển khai kỹ thuật vào năm 2022	Báo cáo tổng kết năm 2020	
22	Máy soi cổ tử cung	Máy	6	1	6	01 máy/bàn khám phụ khoa	đơn vị có 6 bàn khám phụ khoa	Báo cáo tổng kết năm 2020	
23	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy	6	1	6	01 máy/bàn đẻ 01 máy/giường theo dõi sản khoa	đơn vị có 6 bàn đẻ	Báo cáo tổng kết năm 2020	